côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

43

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 54/2014/QH13

LUẬT

HẢI QUAN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật hải quan.

Chương I

NHỨNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa được xuất

khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của

tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong lãnh thổ hải quan; về tổ chức và

hoạt động của Hải quản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất

cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu,

nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

3. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

4. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan.

Điều 3. Chính sách về hải quan

1. Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi về hải quạn đối với hoạt động

xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

2. Xây dựng Hải quan Việt Nam trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện

đại, hoạt động minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chuyển cửa khẩu là việc chuyển hàng hóa, phương tiện vận tải đang chịu sự

kiểm tra, giám sát hải quan từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm

thủ tục hải quan khác.

2. Chuyển tải là việc chuyển hàng hóa từ phương tiện vận tải vận chuyển nội

địa, phương tiện vận tài nhập cảnh sang phương tiện vận tải xuất cảnh đề xuất

khẩu hoặc từ phương tiện vận tải vận chuyển nội địa, phương tiện vận tải nhập

44

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

cành xuống kho, bãi trong khu vực cửa khẩu, sau đó xếp lên phương tiện vận tải

khác để xuất khẩu.

3. Cơ chế một cửa quốc gia là việc cho phép người khai hải quan gửi thông tin,

chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục của cơ quan quản lý nhà

nước liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khấu thông qua một hệ thống thông

tin tích hợp. Cơ quan quản lý nhà nước quyết định cho phép hàng hóa được xuất

khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, cơ quan hải quan quyết định thông quan, giải phóng

hàng hóa trên hệ thống thông tin tích hợp.

4. Địa điểm thu gom hàng lẻ là khu vực kho, bãi dùng để thực hiện các

hoạt động thu gom, chia, tách hàng hóa của nhiều chủ hàng vận chuyển chung

công-tc-nơ.

5. Giám sắt hải quan là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng đề

bảo đảm sự nguyên trạng của hàng hóa, sự tuân thủ quy định của pháp luật trong

việc bào quân, lưu giữ, xếp đỡ, vận chuyển, sử dụng hàng hóa, xuất cảnh, nhập

cành, quá cành phương tiện vận tài đang thuộc đối tượng quản lý hải quan.

6. Hàng hóa bao gồm động sản có tên gọi và mã số theo Danh mục hàng hóa

xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc được

lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quản.

7. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh là vật dụng cần thiết cho nhu cầu

sinh hoạt hoặc mục đích chuyển đi của người xuất cảnh, nhập cảnh, bao gồm hành

lý mang theo người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi.

8, Hồ sơ hai quan gồm tờ khai hải quan, các chứng từ phải nộp hoặc xuất trình

cho cơ quan hải quan theo quy định của Luật này.

9. Kho bảo thuế là kho dùng để chứa nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được

thông quan nhưng chưa nộp thuế đề sản xuất hàng hóa xuất khẩu của chủ kho

bào thuế.

10. Kho ngoại quan là khu vực kho, bãi lưu giữ hàng hóa đã làm thủ tục hải

quan được gửi đề chờ xuất khẩu; hàng hóa từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất

khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam.

11. Kiểm soát hải quan là biện pháp tuần tra, điều tra, xác minh hoặc biện

pháp nghiệp vụ khác do cơ quan hài quan áp dụng đề phòng, chống buôn lậu,

vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và hành vi khác vi phạm pháp luật

về hải quan.

12. Kiểm tra hải quan là việc cơ quan hải quan kiếm tra hồ sơ hải quan, các

chứng từ, tài liệu liên quan và kiếm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.

13, Lãnh thổ hải quan gồm những khu vực trong lãnh thổ, vùng đặc quyền

kinh tế, them lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nơi Luật hải

quan được áp dụng.

45

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

14. Người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải;

người điều khiên phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được

chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

15, Niêm phong hải quan là việc sử dụng các công cụ kỹ thuật hoặc các đấu

hiệu đề nhận biết và bảo đảm tính nguyên trạng của hàng hóa.

16. Phân loại hàng hóa là việc căn cứ vào đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính

chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hóa đề

xác định tên gọi, mã số của hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập

khấu Việt Nam.

17. Phương tiện vận tải bao gồm phương tiện vận tải đường bộ, đường

sắt, đường hàng không, đường biến, đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh,

quá cảnh.

18. Quản lý rủi ro là việc cơ quan hải quan áp dụng hệ thống các biện pháp,

quy trình nghiệp vụ nhằm xác định, đánh giá và phân loại mức độ rủi ro, làm cơ sở

bố trí, sắp xếp nguồn lực hợp lý để kiêm tra, giám sát và hỗ trợ các nghiệp vụ hải

quan khác có hiệu quả.

19. Rúi ro là nguy cơ không tuân thủ pháp luật về hải quan trong việc thực

hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

phương tiện vận tải.

20. Tài sản dị chuyển là đồ dùng, vật dụng phục vụ sinh hoạt, làm việc của cá nhân,

gia đình, tổ chức được mang theo khi thỏi cư trú, chấm dứt hoạt động ở Việt Nam

hoặc nước ngoài.

21. Thông quan là việc hoàn thành các thủ tục hải quan để hàng hóa được nhập

khẩu, xuất khẩu hoặc đặt dưới chế độ quản lý nghiệp vụ hải quan khác,

22. Thông tin hải quan là những thông tin, dữ liệu về hoạt động xuất khẩu,

nhập khấu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt

động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và các thống tin khác

liên quan đến hoạt động hải quan.

23. Thủ tục hài quan là các công việc mà người khai hải quan và công chức

hải quan phải thực hiện theo quy định của Luật này đối với hàng hóa, phương

tiện vận tải.

24. Trị giá hài quạn là trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ cho

mục đích tinh thuế, thống kê hải quan.

25. Vật dụng trên phương tiện vận tải bao gồm: tài sản sử dụng trên phương

tiện vận tải; nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ hoạt động của phương tiện vận tải;

lương thực, thực phẩm và các đồ dùng khác trực tiếp phục vụ sinh hoạt của người

làm việc và hành khách trên phương tiện vận tải.

46

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

26. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là việc cơ quan hải

quan xác định mã số, xuất xứ, trị giá hải quan của hàng hóa trước khi làm thủ

tục hải quan.

Điều 5. Áp dụng điều ước quốc tế, tập quán và thông lệ quốc tế liên quan

đến hải quan

1. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của

điều ước quốc tế đó.

2. Đối với những trường hợp mà Luật này, văn bản pháp luật khác của Việt

Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên chưa

có quy định thi có thể áp dụng tập quán và thông lệ quốc tế liên quan đến hải quan,

nếu việc áp dụng tập quán và thông lệ quốc tế đó không trái với những nguyên tắc

cơ bản của pháp luật Việt nam.

Điều 6. Hoạt động hợp tác quốc tế về hải quan

1. Hoạt động hợp tác quốc tế về hải quan bao gồm:

a) Đàm phán, ký, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về

hải quan;

b) Tổ chức khai thác, trao đồi thông tin và hợp tác nghiệp vụ với Hải quan các

nước, các tổ chức quốc tế có liên quan;

c) Cử công chức hải quan Việt Nam ra nước ngoài và tiếp nhận công chức hải

quan nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ hài quan

theo quy định của pháp luật về hải quan, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thóa thuận quốc tế đã ký kết;

d) Thực hiện quyền, nghĩa vụ và lợi ích của Nhà nước Việt Nam tại Tổ chức

Hải quan thế giới, các tổ chức quốc tế có liên quan về hải quan, các nước và vùng

lãnh thổ.

2. Hải quan Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các hoạt động nêu tại khoản 1

Điều này theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Địa bàn hoạt động hải quan

1. Địa bàn hoạt động hải quan bao gồm:

a) Khu vực cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng

không đân dụng quốc tế, cảng biến, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu,

nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; khu vực đang lưu giữ hàng hóa chịu sự

giám sát hải quan, khu chế xuất, khu vực ưu đãi hài quan, các địa điểm làm thủ tục

hải quan, kho ngoại quan, kho bảo thuế, bưu điện quốc tế, trụ sở người khai hài

quan khi kiểm tra sau thông quan, các địa điểm kiếm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập

khẩu trong lãnh thổ hải quản;

47

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

b) Khu vực, địa điểm khác đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, được phép xuất

khấu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện

vận tài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ,

2. Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm kiểm

tra, giám sắt, kiểm soát đối với hàng hóa, phương tiện vận tải và xử lý vi phạm

pháp luật về hải quan phù hợp với pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.

Điều 8. Hiện đại hóa quản lý hải quan

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư thiết bị kỹ thuật, phương tiện hiện đại, công nghệ

tiên tiến đề bảo đảm hiệu quả quản lý hải quan; khuyến khích tổ chức, cá nhân

tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật tiên tiến đề bảo đảm áp

dụng phương pháp quản lý hài quan hiện đại, Tổ chức, cá nhân hoạt động xuất

khẩu, nhập khẩu có trách nhiệm tham gia xây dựng, thực hiện giao dịch điện tử và

thủ tục hải quan điện tử.

2. Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật trao đổi dữ liệu điện tử, giá trị pháp lý của

chứng từ điện tứ trong việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo quy định của

pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 9. Phối hợp thực hiện pháp luật về hải quan

1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan

nhà nước, tổ chức hữu quản, đơn vị vũ trang nhân dân thực hiện pháp luật về hải quan.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan, đơn vị vũ trang nhân dận trong phạm

vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện đề cơ

quan hải quan hoàn thành nhiệm vụ,

Điều 10. Hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực hải quan

1. Đối với công chức hải quan:

a) Gây phiền hà, khó khăn trong việc làm thủ tục hài quan;

b) Bao che, thông đồng để buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên

giới, gian lận thương mại, gian lận thuế;

c) Nhận hối lộ, chiếm dụng, biến thú hàng hóa tạm giữ hoặc thực hiện hành vị

khác nhằm mục đích vụ lợi;

d) Hành vi khác vi phạm pháp luật về hải quan.

2. Đối với người khai hải quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên

quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập

cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải:

a) Thực hiện hành vi gian đối trong việc làm thủ tục hải quan;

b) Buôn lậu, vận chuyển trải phép hàng hóa qua biên giới;

48

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

c) gian lận thương mại, gian lận thuế;

d) Đưa hối lộ hoặc thực hiện hành vi khác nhằm mưu lợi bất chính;

đ) Cán trở công chức hải quan thi hành công vụ;

c) Truy cập trái phép, làm sai lệch, phá hủy hệ thống thông tin hải quan;

g) Hành vi khác vi phạm pháp luật về hải quan.

Điều 11. Giám sát thí hành pháp luật về hải quan

1. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, vụ,

quyền hạn của mình giám sát việc thi hành pháp luật về hải quan.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận động viên

nhân dân nghiêm chỉnh thi hành pháp luật về hải quan; giám sát việc thi hành pháp

luật về hải quan.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan hải quan, công chức hải

quan phải tuân theo pháp luật, dựa vào nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Chương II

NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC CỦA HẢI QUAN

Điều 12. Nhiệm vụ của hải quan

Hải quan Việt Nam có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa,

phương tiện vận tải, phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua

biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập

khẩu; thống kê hàng hóa xuất khầu, nhập khẩu theo quy định của Luật này và quy

định khác của pháp luật có liên quan; kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý nhà

nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh,

quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 13. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hải quan

1. Hải quan Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung,

thống nhất.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thống nhất quản lý, điều hành hoạt

động của Hải quan các cấp; Hải quan cấp dưới chịu sự quản lý, chi đạo của Hải

quan cấp trên.

Điều 14. Hệ thống tổ chức Hải quan

1. Hệ thống tổ chức của hải quan việt nam gồm có:

a) Tổng cục Hải quan;

b) Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát Hải quan và đơn vị tương đương.

49

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

2. Chính phủ căn cứ vào khối lượng công việc, quy mô, tính chất hoạt động

xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, đặc thủ, điều kiện kinh tế -

xã hội của từng địa bàn để quy định tiêu chí thành lập Cục Hải quan; quy định cụ

thể tổ chức, nhiệm vụ, hoạt động của Hải quan các cấp.

Điều 15. Công chức hải quan

1. Công chức hải quan là người có đủ điều kiện được tuyến dụng, bổ nhiệm

vào ngạch, chức vụ, chức đanh trong cơ quan hải quan; được đào tạo, bồi dưỡng và

quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

2. Chế độ phục vụ, chức danh, tiêu chuẩn, lương, phụ cấp thâm niên, chế độ

đãi ngộ khác đối với công chức hài quan, hải quan hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang

phục, giấy chứng minh hải quan theo quy định của Chính phủ,

Chương III

THỦ TỤC HẢI QUẠN, CHẾ ĐỘ KIÊM TRA,

GIÁM SÁT HẢI QUAN

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 16. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hãi quan, kiểm tra, giám sát hải quan

1. Hàng hóa, phương tiện vận tải phải được làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm

tra, giám sắt hải quan; vận chuyển đúng tuyến đường, đúng thời gian qua cửa khẩu

hoặc các địa điểm khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, giám sát hải quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi rô

nhằm bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi

cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3. Hàng hóa được thông quan, phương tiện vận tải được xuất cảnh, nhập cảnh

sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.

4. Thủ tục hải quan phải được thực hiện công khai, nhanh chóng, thuận tiện và

theo đúng quy định của pháp luật.

5. Việc bố trí nhận lực, thời gian làm việc phải đáp ứng yêu cầu hoạt động xuất

khấu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Điều 17. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

1. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro đề quyết định việc kiểm tra, giám

sát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; hỗ trợ hoạt động phòng, chống

buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hài quan bao gồm việc thu thập,

xử lý thông tin hải quan; xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá việc tuân thủ pháp

50

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro; tổ chức thực hiện các biện

pháp quản lý hải quan phù hợp.

3. Cơ quan hải quan quản lý, ứng dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ đề tự

động tích hợp, xử lý dữ liệu phục vụ việc áp dụng quân lý rủi rò trong hoạt động

nghiệp vụ hải quan.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá việc tuân thủ pháp luật

của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi rô và việc áp dụng quản lý rủi rô

trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan

1. Người khai hải quan có quyền:

a) Được cơ quan hải quan cung cấp thông tin liên quan đến việc khai hải quan

đối với hàng hóa, phương tiện vận tải, hướng dẫn làm thủ tục hải quan, phố biến

pháp luật về hải quan;

b) Yêu cầu cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải

quan đối với hàng hóa khi đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho cơ quan

hải quan;

c) Xem trước hàng hóa, lấy mẫu hàng hóa dưới sự giám sát của công chức hải

quan trước khi khai hải quan để bảo đảm việc khai hải quan được chính xác;

d) Yêu cầu cơ quan hải quan kiếm tra lại thực tế hàng hóa đã kiếm tra, nếu

không đồng ý với quyết định của cơ quản hải quản trong trường hợp hàng hóa

chưa được thông quan;

đ) Sử dụng hồ sơ hải quan để thông quan hàng hóa, vận chuyển hàng hóa,

thực hiện các thủ tục có liên quan với các cơ quan khác theo quy định của

pháp luật;

c) Khiếu nại, tố cáo hành vi trái pháp luật của cơ quan hải quan, công chức

hải quan;

g) Yêu cầu bồi thường thiệt hại do cơ quan hải quan, công chức hải quan gây

ra theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Người khai hải quan là chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải có nghĩa vụ:

a) Khai hải quan và làm thủ tục hải quan theo quy định của Luật này;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin đề cơ quan hải quan thực hiện xác

định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các

chứng từ đã nộp, xuất trình; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại

doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;

d) Thực hiện quyết định và yêu cầu của cơ quan hải quan, công chức hải quan

trong việc làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đổi với hàng hóa,

phương tiện vận tải;

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

51

đ) Lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa đã được thông quan trong thời hạn 05

năm kế từ ngày đăng ký tờ khai hải quản, trừ trường hợp pháp luật có quy định

khác; lưu giữ số sách, chứng từ kế toán và các chứng từ khác có liên quan đến

hàng hóa xuật khấu, nhập khẩu đã được thông quản trong thời hạn do pháp luật

quy định; xuất trình hồ sơ, cung cấp thông tín, chứng tử liên quan khi cơ quan hải

quan yêu cầu kiêm tra theo quy định tại các điều 32, 79 và 80 của Luật này;

c) Bố trí người, phương tiện thực hiện các công việc liên quan để công chức

hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải;

g) Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp

luật về thuế, phi, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ

hàng hóa, chủ phương tiện vận tài ủy quyền thực hiện nghĩa vụ quy định tại các

điểm a, b, c, đ, c và g khoản 2 Điều này trong phạm vi được ủy quyền. Người khai

hải quan là người điều khiên phương tiện vận tài thực hiện nghĩa vụ quy định tại

các điểm a, c, đ,c và ghoản 2 Điều này.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của công chức hải quan

1. Nghiêm chình chấp hành pháp luật, quy trình nghiệp vụ hải quan và chịu

trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Hướng dẫn người khai hải quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi có yêu cầu.

3. Thực hiện kiếm tra, giám sát hài quan; giám sát việc mờ, đóng, chuyển tải,

xếp dỡ hàng hóa tại địa điểm làm thủ tục hài quan và địa điểm kiểm tra hàng hóa

xuất khấu, nhập khẩu; trong trường hợp phát hiện có đấu hiệu vi phạm pháp luật về

hải quan thi yêu cầu chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải, người chi huy, người

điều khiến phương tiện vận tài hoặc người được ủy quyền thực hiện các yêu cầu đề

kiểm tra, khám xết hàng hóa, phương tiện vận tài theo quy định của Luật này và

pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Lấy mẫu hàng hóa với sự có mặt của người khai hải quan để cơ quan hải

quan phân tích hoặc trưng cầu giám định phục vụ kiếm tra hải quan.

5. Yêu cầu người khai hải quan cung cấp thông tin, chứng từ liên quan đến

hàng hóa đề xác định đúng mã số, xuất xử, trị giá hải quân của hàng hóa.

6. Yêu cầu người chi huy, người điều khiến phương tiện vận tải đi đúng tuyến

đường, đúng thời gian, dừng đúng nơi quy định.

7. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Đại lý làm thủ tục hải quan

1. Điều kiện là đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh địch vụ giao nhận hàng hóa hoặc đại lý

làm thủ tục hải quan;

52

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

b) Có nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

c) Có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện để thực hiện khai hải

quan điện tử và các điều kiện khác theo quy định.

2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan là công dân Việt Nam đáp ứng đủ các

điều kiện sâu đảy;

a) Có trình độ cao đẳng kinh tế, luật, kỹ thuật trở lên;

b) Có chứng chi nghiệp vụ khai hải quan;

c) Được cơ quan hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định việc công nhận, tạm dừng,

chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hài quan; cấp chứng chi nghiệp vụ khai hải

quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

4. Đại lý làm thủ tục hải quan và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan quy định tại Điều 18

của Luật này.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chủ tiết trình tự, thủ tục công nhận và hoạt

động của đại lý làm thủ tục hài quan; thủ tục cấp chứng chi nghiệp vụ khai hải

quan, cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 21. Thủ tục hải quan

1. Khi làm thủ tục hài quan, người khai hải quan có trách nhiệm:

a) Khai và nộp tờ khai hải quan; nộp hoặc xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải

quan theo quy định tại Điều 24 của Luật này;

b) Đưa hàng hóa, phương tiện vận tải đến địa điểm được quy định để kiếm tra

thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải;

c) Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp

luật về thuế, phi, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Khi làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan, công chức hải quan có

trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và đăng ký hồ sơ hải quan;

b) Kiểm tra hồ sơ hài quan và kiếm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải;

c) Tổ chức thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về thuế,

phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Quyết định việc thông quan hàng hóa, giải phóng hàng hóa, xác nhận

phương tiện vận tài đã hoàn thành thủ tục hải quan.

Điều 22. Địa điểm làm thủ tục hải quan

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan là nơi cơ quan hải quan tiếp nhận, đăng ký và

kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.

53

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

2. Địa điểm tiếp nhận, đăng ký và kiểm tra hồ sơ hải quan là trụ sở Cục Hải

quan, trụ sở Chi cục hải quan.

3. Địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa bao gồm:

a) Địa điểm kiểm tra tại khu vực cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận

quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; bưu điện quốc tế, cảng biển, cảng thủy

nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cảng

xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa;

b) Trụ sở Chi cục Hải quan;

c) Địa điểm kiểm tra tập trung theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục

Hải quan;

d) Địa điểm kiểm tra tại cơ sở sản xuất, công trình; nơi tổ chức hội chợ,

triền lãm;

đ) Địa điểm kiểm tra tại khu vực kho ngoại quan, kho bào thuế, địa điểm thu

gom hàng lè;

c) Địa điểm kiểm tra chung giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan nước láng

giềng tại khu vực cửa khấu đường bộ;

g) Địa điểm khác do Tổng cục trường Tổng cục Hải quan quyết định trong

trường hợp cần thiết.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi quy hoạch, thiết kế xây

dựng cửa khậu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không đản

dụng quốc tế, cảng biến, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu,

xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được

thành lập trong nội địa; khu kinh tế, khu công nghiệp, khu phi thuế quan và các

địa điểm khác có hoạt động xuất khẩu, nhập khâu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá

cảnh có trách nhiệm bố tri địa điểm làm thủ tục hải quản và nơi lưu giữ hàng

hóa xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng yêu cầu kiểm trả, giám sát hải quản theo quy

định của Luật này.

Điều 23. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan

1. Cơ quan hải quan tiếp nhận, đặng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan ngay sau khi

người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hài quan theo quy định của Luật này.

2. Sau khi người khai hải quan thực hiện đầy đủ các yêu cầu để làm thủ tục hải

quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật này, thời hạn công

chức hải quan hoàn thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện

vận tải được quy định như sau:

a) Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm

cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;

b) Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa chậm nhất là 08 giờ làm việc kế từ

thời điêm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hóa cho cơ quan hải quan.

54

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế,

văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp

luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa được tính từ thời

điêm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chúng loại hoặc việc kiểm tra phức

tạp thi Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hài quan quyết định việc gia

hạn thời gian kiêm tra thực tế hàng hóa, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá

02 ngày;

c) Việc kiểm tra phương tiện vận tải phải bảo đảm kịp thời việc xếp dỡ hàng

hóa xuất khẩu, nhập khẩu, việc xuất cảnh, nhập cảnh của hành khách và bảo đảm

việc kiêm tra, giám sát hải quan theo quy định của Luật này.

3, Việc thông quan hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 37 của

Luật này.

4. Cơ quan hải quan thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa vào ngày lễ,

ngày nghi và ngoài giờ làm việc để bảo đảm kịp thời việc xếp dỡ hàng hóa xuất

khẩu, nhập khẩu, việc xuất cảnh, nhập cảnh của hành khách, phương tiện vận tải

hoặc trên cơ sở đề nghị của người khai hải quan và phù hợp với điều kiện thực tế

của địa bàn hoạt động hải quan.

Điều 24. Hồ sơ hải quan

1. Hồ sơ hải quan gồm:

a) Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan;

b) Chứng từ có liên quan.

Tùy từng trường hợp, người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình hợp đồng

mua bán hàng hóa, hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, chứng từ chứng nhận

xuất xứ hàng hóa, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả

kiểm tra hoặc miền kiểm tra chuyên ngành, các chứng từ liên quan đến hàng hóa

theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chứng từ thuộc hồ sơ hải quan là chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử.

Chứng tử điện từ phải bảo đảm tính toàn vẹn và khuôn dạng theo quy định của

pháp luật về giao dịch điện tử.

3. Hồ sơ hải quan được nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan tại trụ sở cơ quản

hải quan.

Trường hợp áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước

chuyên ngành gửi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả

kiêm tra, miễn kiêm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua hệ thống thông

tin tích hợp.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai

hài quan và chứng từ thay thế tờ khai hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình

chứng từ có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này.

55

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Điều 25. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan

1. Thời hạn nộp tờ khai hải quan được quy định như sau:

a) Đối với hàng hóa xuất khấu, nộp sau khi đã tập kết hàng hóa tại địa điểm

người khai hải quan thông báo và chậm nhất là 04 giờ trước khi phương tiện vận

tài xuất cảnh; đối với hàng hóa xuất khẩu gửi bằng dịch vụ chuyển phát nhanh thi

chậm nhất là 02 giờ trước khi phương tiện vận tài xuất cảnh;

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu, nộp trước ngày hàng hóa đến cửa khẩu hoặc

trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu;

c) Thời hạn nộp tờ khai hải quan đối với phương tiện vận tải thực hiện theo

quy định tại khoản 2 Điều 69 của Luật này.

2. Tờ khai hải quan có giá trị làm thủ tục hải quan trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày đăng ký.

3. Thời hạn nộp chứng từ có liên quan thuộc hồ sơ hải quan được quy định

như sau:

a) Trường hợp khai hải quan điện tử, khi cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra

hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa, người khai hải quan nộp các chứng từ

giấy thuộc hồ sơ hải quan, trừ những chứng từ đã có trong hệ thống thông tin một

cửa quốc gia;

b) Trường hợp khai tờ khai hài quan giấy, người khai hải quan phải nộp hoặc

xuất trình chứng từ có liên quan khi đăng ký tờ khai hải quan.

Điều 26. Phân loại hàng hóa

1. Phân loại hàng hóa đề xác định mã số hàng hóa làm cơ sở tính thuế và thực

hiện chính sách quản lý hàng hóa, Khi phân loại hàng hóa phải căn cứ hồ sơ hải

quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu,

nhập khẩu đề xác định tên gọi, mã số của hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất

khầu, nhập khẩu Việt nam.

2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô

tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo.

3. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xây dựng trên cơ sở

áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa.

Bộ trường Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Việt Nam thống nhất trong toàn quốc,

4. Trên cơ sở Danh mục hàng hóa cắm xuất khấu, cấm nhập khẩu, Danh mục

hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm

quyền, Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành do Chính phủ

quy định, Bộ trường Bộ Tài chính ban hành mã số hàng hóa thống nhất với mã số

thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

56

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

5. Khi tiến hành kiếm tra hải quan, cơ quan hại quan xác định mã số hàng

hóa căn cứ hồ sơ hải quan, kết quả kiêm trả thực tế hàng hóa hoặc kết quả phân

tích, giám định hàng hóa, Trong trường hợp không chấp nhận mã số hàng hóa

do người khai hải quan khai, cơ quan hải quan có quyền lấy mẫu hàng hóa với

sự chứng kiến của người khai hải quan để phân tích, trưng cầu giám định và

quyết định mã số đối với hàng hóa đó; nếu người khai hải quạn không đồng ý

với kết quả phân loại của cơ quan hải quan thi có quyền khiếu nại hoặc khởi

kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Xác định xuất xứ hàng hóa

1. Đối với hàng hóa xuất khẩu:

a) Cơ quan hải quan xác định xuất xứ hàng hóa xuất khấu trên cơ sở kiểm tra

nội dung khai của người khai hài quan, chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và kết quả

kiểm tra thực tế hàng hóa;

b) Trường hợp có nghi ngờ về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, cơ quan hải quan

yêu cầu người khai hải quan cung cấp chứng tử, tài liệu liên quan đến xuất xứ hàng

hóa xuất khẩu, tiến hành kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất

hàng hóa xuất khậu, Trong khi chờ kết quả kiểm tra, xác mình xuất xứ hàng hóa,

hàng hóa xuất khẩu được thông quan theo quy định tại Điều 37 của Luật này.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu:

a) Cơ quan hải quan kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa nhập khẩu trên cơ sở

nội dung khai của người khai hài quản, chứng từ chứng nhận xuất xứ, chứng từ

thuộc hồ sơ hải quan và kết quả kiếm tra thực tế hàng hoá, Chứng từ chứng nhận

xuất xứ hàng hóa nhập khẩu do cơ quản có thẩm quyền của nước xuất khẩu phát

hành hoặc đo người sản xuất, người xuất khẩu hoặc người nhập khẩu tự chứng

nhận theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Trường hợp có nghi ngờ về xuất xứ hàng hóa nhập khẩu, cơ quan hải

quan tiến hành kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại nước sản xuất hàng hóa

theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Kết quả kiếm tra, xác minh xuất xứ có giá trị pháp lý đề xác định xuất xứ hàng

hóa nhập khẩu.

Trong khi chờ kết quả kiểm tra, xác mịnh xuất xứ hàng hóa, hàng hóa nhập

khấu được thông quan theo quy định tại Điều 37 của Luật này nhưng không được

hưởng thuế suất ưu đặi đặc biệt, Số thuế chính thức phải nộp căn cứ vào kết quả

kiêm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục, thẩm quyền, thời hạn xác định

xuất xứ hàng hóa.

Điều 28. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan

1. Trong trường hợp người khai hải quan đề nghị cơ quan hải quan xác định

trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đổi với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

57

khấu, người khai hải quan cung cấp thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa

dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan hải quan để cơ quan hải quan xác định

trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan.

Trường hợp không thể cung cấp mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu,

người khai hải quan phải cung cấp tài liệu kỹ thuật liên quan đến hàng hóa đó.

2. Cơ quan hải quan căn cứ quy định của pháp luật về phân loại hàng hóa, xuất

xứ, trị giá hải quan và các thông tin, chứng tử liên quan đo người khai hải quan

cung cấp đề xác định trước mã số, xuất xử, trị giá hải quan và có văn bàn thông

báo cho người khai hài quan biết kết quả xác định trước, Trường hợp không đủ cơ

sở hoặc thông tin đề xác định theo yêu cầu của người khai hải quan, cơ quan hải

quan thông báo cho người khai hải quan hoặc đề nghị bổ sung thông tin, chứng từ

liên quan.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo kết quả xác định

trước, nếu người khai hải quan không đồng ý với kết quả xác định trước thì có

quyền yêu cầu cơ quan hải quan xem xét lại kết quả xác định trước. Cơ quan hải

quan có trách nhiệm xem xét và trả lời kết quả cho người khai hải quan trong thời

hạn quy định.

4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước có giá trị pháp lý để cơ quan hải

quan làm thủ tục hải quan khi hàng hóa thực xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với thông

tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa mà người khai hải quan đã cung cấp.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục, thời hạn xác định trước mã số,

xuất xứ, trị giá hài quan; thời hạn giải quyết yêu cầu xem xét lại kết quả xác định

trước; thời hạn hiệu lực của văn bản xác định trước quy định tại Điều này.

Điều 29. Khai hải quan

1. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, rỗ ràng các tiêu chí thông

tin tờ khai hải quan.

2. Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử, trừ trường hợp

người khai hải quan được khai trên tờ khai hải quan giấy theo quy định của

Chính phủ.

3. Tờ khai hải quan đã đăng ký có giá trị làm thủ tục hải quan. Chính sách

quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được áp

dụng tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, trừ trường hợp pháp luật về thuế xuất

khẩu, thuế nhập khẩu có quy định khác.

4. Người khai hải quan xác định có sai sót trong việc khai hải quan được thực

hiện khai bổ sung trong các trường hợp sau đây;

a) Đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan: trước thời điểm cơ quan hải

quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan;

58

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

b) Đối với hàng hóa đã được thông quan: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày

thông quan và trước thời điểm cơ quản hải quan quyết định kiệm tra sau thông

quan, thanh tra, trừ trường hợp nội dung khai bổ sung liên quan đến giấy phép xuất

khấu, nhập khẩu; kiểm tra chuyên ngành về chất lượng hàng hóa, ý tế, văn hóa,

kiêm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm.

Quá thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản này, người khai hải quan mới

phát hiện sai sót trong việc khai hải quản thì thực hiện khai bổ sung và xử lý theo

quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Người khai hải quan được nộp tờ khai hải quan chưa hoàn chính hoặc chứng

từ thay thế tờ khai hải quan để thông quan và hoàn chinh tờ khai hải quan trong

thời hạn quy định tại Điều 43 và Điều 50 của Luật này, khai một lần để xuất khẩu,

nhập khấu nhiều lần trong một thời gian nhất định đối với mặt hàng nhất định.

6. Hàng hóa đang được làm thủ tục hải quan hoặc đã hoàn thành thủ tục hải

quan nhưng vẫn đang chịu sự giám sát hải quan, người khai hải quan được thay đổi

loại hình xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan.

Điều 30. Đăng ký tờ khai hải quan

1. Phương thức đăng ký tờ khai hải quan được quy định như sau:

a) Tờ khai hải quan điện tử được đăng ký theo phương thức điện tử;

b) Tờ khai hải quan giấy được đăng ký trực tiếp tại cơ quan hải quan.

2. Tờ khai hải quan được đăng ký sau khi cơ quan hải quan chấp nhận việc khai

của người khai hải quan. Thời điểm đăng ký được ghi trên tờ khai hải quan.

Trường hợp không chấp nhận đăng ký tờ khai hải quản, cơ quan hải quan

thông báo lý do bằng văn bản giấy hoặc qua phương thức điện tử cho người khai

hải quan biết.

Điều 31. Căn cứ, thẩm quyền quyết định kiểm tra hải quan

Căn cứ kết quả phân tích, đánh giá rùi ro và các thông tin có liện quan đến

hàng hóa, thủ trưởng cơ quan hải quan nơi xử lý hồ sơ hải quan quyết định kiêm

tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa,

Điều 32. Kiếm tra hồ sơ hải quan

Khi kiểm tra hồ sơ hải quan, cơ quan hải quan kiểm tra tính chính xác, đầy đủ,

sự phù hợp của nội dung khai hải quan với chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, kiêm tra

việc tuân thủ chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đổi với hàng hóa xuất

khẩu, nhập khẩu và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Kiếm tra hồ sơ hải quan được thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện

tử hải quan hoặc trực tiếp bởi công chức hải quan.

Điều 33. Kiếm tra thực tế hàng hóa

1. Hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây được miễn kiếm tra thực tế:

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

59

a) Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp;

b) Hàng hóa chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh;

c) Hàng hóa thuộc trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của Thủ tướng

Chính phủ,

2. Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này mà phát hiện có đấu hiệu vi phạm

pháp luật phải được kiểm tra thực tế.

3. Hàng hóa không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, việc kiểm tra thực tế

được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.

4. Hàng hóa là động vật, thực vật sống, khó bảo quản, hàng hóa đặc biệt khác

được ưu tiên kiểm tra trước.

5. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa do công chức hải quan thực hiện trực tiếp

hoặc bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật, các biện pháp nghiệp vụ khác.

Việc kiểm tra thực tế hàng hóa phải có mặt của người khai hải quan hoặc người

đại diện hợp pháp của họ sau khi đăng ký tờ khai hải quan và hàng hóa đã được đưa

đến địa điểm kiểm tra, trừ trường hợp quy định tại Điều 34 của Luật này.

6. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa tại địa điểm kiểm tra chung với nước láng

giềng được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên.

7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc kiểm tra thực tế hàng hóa.

Điều 34. Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp vắng mặt người

khai hải quan

1. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa vắng mặt người khai hải quan do thủ trưởng

cơ quan hải quan nơi lưu giữ hàng hóa quyết định và chịu trách nhiệm trong các

trường hợp sau đây:

a) Để bảo vệ an ninh;

b) Để bảo vệ vệ sinh, môi trường;

c) Có đấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu mà

người khai hải quan không đến làm thủ tục hải quan;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa vắng mặt người khai hải quan được tiến hành

dưới các hình thức;

a) Kiểm tra không xâm nhập qua máy soi;

b) Kiểm tra bằng thiết bị kỹ thuật, các biện pháp nghiệp vụ khác của cơ quan

hải quan;

c) Mở hàng hóa để kiểm tra trực tiếp với sự chứng kiến của đại diện cơ quan

nhà nước tại khu vực cửa khẩu, đại diện doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp kinh

60

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

doanh cảng, kho, bãi. Việc kiếm tra phải được lập thành văn bản có chữ ký của các

bên liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa

bàn hoạt động hải quan

1. Trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chịu trách

nhiệm kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải.

Trường hợp theo quy định của pháp luật phải kiểm tra chuyên ngành về chất

lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm đồi với hàng

hóa, phương tiện vận tải thi cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiêm tra của cơ quan

kiêm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan.

2. Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa

khấu cho đến khi được thông quan, Trường hợp quy định của pháp luật cho phép

đưa hàng hóa về địa điểm khác để tiến hành việc kiểm tra chuyên ngành hoặc chủ

hàng hóa có yêu cầu đưa hàng hóa về bảo quản thì địa điểm lưu giữ phải đáp ứng

điều kiện về giám sát hài quan và hàng hóa đó chịu sự giám sát của cơ quan hải

quan cho đến khi được thông quan.

Chủ hàng hóa chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hàng hóa tại địa điểm kiếm

tra chuyên ngành hoặc địa điểm lưu giữ của chủ hàng hóa cho đến khi cơ quan hải

quan quyết định thông quan.

3. Thời hạn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa được thực hiện theo quy

định của pháp luật có liên quan, Cơ quan kiểm trả chuyên ngành có trách nhiệm

thông báo kết quá kiểm trả cho cơ quản hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc

kể từ ngày có kết quả kiếm tra.

4. Chi cục trưởng Chị cục Hải quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan kiểm tra

chuyên ngành tại cửa khấu để bảo đảm thông quan nhanh chóng hàng hóa, phương

tiện vận tải.

Điều 36. Giải phóng hàng hóa

1. Giải phóng hàng hóa là việc cơ quan hải quan cho phép xuất khẩu, nhập

khẩu hàng hóa khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

a) Hàng hóa đủ điều kiện để được xuất khấu, nhập khầu nhưng chưa xác định

được số thuế chính thức phải nộp;

b) Người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tin dụng bảo lãnh số

thuế trên cơ sở tự kê khai, tỉnh thuế của người khai hải quản.

2. Thời hạn xác định số thuế chính thức phải nộp không quá 30 ngày kể từ

ngày giải phóng hàng hóa; trường hợp hàng hóa cần phải giám định thì thời hạn

này tính từ ngày nhận được kết quá giám định.

3. Trường hợp người khai hải quan không đồng ý với việc xác định số thuế

phải nộp của cơ quan hải quan thì được quyền khiếu nại. Việc khiếu nại, giải quyết

khiếu nại được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại.

61

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Điều 37. Thông quan hàng hóa

1. Hàng hóa được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.

2. Trường hợp người khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa

nộp, nộp chưa đủ số thuế phải nộp trong thời hạn quy định thì hàng hóa được

thông quan khi được tổ chức tín dụng bảo lãnh về số tiền thuế phải nộp hoặc được

áp dụng thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

3, Trường hợp chủ hàng hóa bị xử phạt vị phạm hành chính về hải quan bằng

hình thức phạt tiền và hàng hóa đó được phép xuất khẩu, nhập khẩu thì hàng hóa

có thể được thông quan nếu đã nộp phạt hoặc được tổ chức tin dụng bảo lãnh về số

tiền phải nộp đề thực hiện quyết định xử phạt của cơ quân hải quản hoặc cơ quản

nhà nước có thẩm quyền.

4. Đối với hàng hóa phải kiểm tra, phân tích, giám định đề xác định có đủ điều

kiện được xuất khẩu, nhập khẩu, cơ quạn hải quan chi thực hiện thông quan hàng

hóa sau khi xác định hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở kết luận kiểm

tra, phân tích, giám định hoặc thông báo miễn kiểm tra của cơ quan kiêm tra

chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

5. Hàng hóa phục vụ yêu cầu khân cấp: hàng hóa chuyên dùng phục vụ an

ninh, quốc phòng; túi ngoại giao, túi lãnh sự, hành lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ được thông quan theo quy định tại Điều 50 và

Điều 57 của Luật này.

Điều 38. Đối tượng, phương thức và thời gian giám sát hải quan

1. Đối tượng giám sát hài quan gồm hàng hóa, phương tiện vận tải, phương

tiện vận tải nội địa vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan.

2. Giám sát hải quan được thực hiện bằng các phương thức sau đây:

a) Niêm phong hải quan;

b) Giám sát trực tiếp do công chức hải quan thực hiện;

c) Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật.

3. Căn cứ kết quả phân tích, đánh giá rùi ro và các thông tin khác có liên quan

đến đối tượng giám sát hải quan, cơ quan hải quan quyết định phương thức giám

sát phù hợp. Trường hợp có đấu hiệu vi phạm pháp luật, cơ quan hải quan tiến

hành kiếm tra thực tế hàng hóa,

4. Thời gian giám sát hải quan:

a) Hàng hóa nhập khẩu chịu sự giám sát hải quan từ khi tới địa bàn hoạt động

hải quan đến khi được thông quan, giải phóng hàng hóa và đưa rà khỏi địa bản

hoạt động hải quan;

b) Hàng hóa xuất khẩu miễn kiếm tra thực tế hàng hóa chịu sự giám sát hải

quan từ khi thông quan đến khi ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan. Trường hợp

62

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

phải kiểm tra thực tế, hàng hóa xuất khẩu chịu sự giám sát hải quan từ khi bắt đầu

kiêm tra thực tế hàng hóa đến khi ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan;

c) Hàng hóa quá cảnh chịu sự giám sát hải quan từ khi tới cửa khẩu nhập đầu

tiên đến khi ra khỏi cửa khẩu xuất cuối cùng;

d) Thời gian giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải thực hiện theo quy

định tại Điều 68 của Luật này.

Điều 39. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong hoạt động giám sát hài quan

1. Thực hiện các phương thức giám sát phù hợp tạo thuận lợi cho hoạt động

xuất khấu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và bảo đảm quản lý hải quản

đối với hàng hóa theo quy định của Luật này.

2. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật bảo đảm giám sát hải quan theo quy

định của Luật này.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về giám sát hải quan của

người khai hải quan, đoanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, cơ sở sản xuất hàng

hóa xuất khẩu và các bên có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm của người khai hài quan, người chi huy hoặc người

điều khiến phương tiện vận tải trong hoạt động giám sát hải quan

1. Chấp hành và tạo điều kiện để cơ quan hải quan thực hiện giám sát hải quan

theo quy định của Luật này.

2. Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa và niêm phong hải quan; vận chuyển hàng

hóa theo đúng tuyển đường, lộ trình, thời gian được cơ quan hài quan chấp nhận.

Trường hợp hàng hóa bị mất, thất lạc hoặc hư hòng thì người khai hải quan phải

chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng hàng hóa đúng mục đích khai bảo với cơ quan hải quan.

4. Sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa đủ điều kiện theo quy định để cơ

quan hải quan áp dụng các phương thức giám sát hải quan phù hợp.

5. Xuất trình hồ sơ và hàng hóa cho cơ quan hải quan kiểm tra khi được yêu cầu.

6. Trong trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng

hóa, niêm phong hài quan hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường,

lộ trình, thời gian thì sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn

ngừa tồn thất xây ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan đề xử lý; trường hợp

không thể thông bảo ngày với cơ quan hải quản thi tùy theo địa bàn thích hợp thông

bảo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biên để xác nhận.

Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong

hoạt động giám sát hải quan

1. Bố trí địa điểm để lấp đặt phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ giám sát hải

quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

63

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

2. Kết nối hệ thống thông tin quản lý hàng hóa của doanh nghiệp với hệ thống

thông quan điện tử của cơ quan hải quan để quản lý hàng hóa đang chịu sự giám

sát hài quan đưa vào lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi.

3, Thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, thống kê, lưu giữ chứng từ, số sách, số

liệu hàng hóa đưa vào lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi theo quy định

của pháp luật và xuất trình, cung cấp cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu.

4. Cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan hải quan trong việc theo dõi,

kiểm tra, giám sát hàng hóa rã, vào, lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi.

5. Bào quản, sắp xếp, lưu giữ nguyên trạng hàng hóa trong khu vực cảng, kho,

bãi theo yêu cầu giảm sắt, quân lý của cơ quan hải quan.

6. Chi cho phép vận chuyển hàng hóa ra, vào khu vực cảng, kho, bãi khi có

chứng từ của cơ quan hải quan.

7. Thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hàng hóa vi phạm.

Mục 2

CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN ĐỐI VớI DOANH NGHIỆP

Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên

1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện

sau đây;

a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục;

b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định;

c) Thực hiện thủ tục hài quan điện tử, thủ tục thuế điện tử, có chương trình

công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nỗi

mạng với cơ quan hải quan;

d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng;

đ) Có hệ thống kiếm soát nội bộ;

c) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiếm toán.

2. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký thỏa thuận công

nhận lẫn nhau về đoanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên

theo quy định của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình

chi, đình chi, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế

độ ưu tiên.

Điều 43. Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp

1. Miền kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiếm tra thực

tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hài quan, trừ trường hợp có dấu hiệu

vi phạm pháp luật hoặc kiêm tra ngầu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật.

64

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

2. Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chựa hoàn chỉnh hoặc

chứng từ thay thế tờ khai hải quan, Trong thời hạn 30 ngày kế từ ngày đăng ký tờ

khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc kể từ ngày nộp chứng từ thay thế tờ khai hải

quan, người khai hải quan phải nộp tờ khai hải quan hoàn chính và các chứng từ

liên quan thuộc hồ sơ hải quan.

3. Được ưu tiên khi thực hiện thủ tục về thuế đối với hàng hóa theo quy định

của pháp luật về thuế.

Điều 44. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc thực hiện chế độ

ưu tiên

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xét, công nhận, gia hạn, tạm đình chi,

đình chi việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp.

2. Cơ quan hải quan các cấp có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, giám sát, đánh giá sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp;

b) Hướng dẫn doanh nghiệp về chính sách, quy định của pháp luật về thuế và

hải quan.

Điều 45. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên

1. Định kỳ hàng năm cung cấp cho cơ quan hải quan báo cáo kiểm toán, báo

cáo tài chính.

2. Chấp hành các quy định về kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

3. Thông báo cho cơ quan hải quan quyết định xử lý vi phạm pháp luật về

thuế, kế toán của cơ quan có thằm quyền đối với doanh nghiệp.

Mục 3

KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VớI

HÀNG HÓA, TÀI SẢN DI CHUYÊN, HÀNH LÝ

Điều 46, Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm

nhập, tái xuất

1. Thủ tục hải quan tạm nhập và thủ tục hải quan tái xuất được thực hiện tại

Chi cục Hải quan cửa khẩu.

2. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất

được quy định như sau:

a) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất phải được lưu giữ tại khu vực cửa

khẩu hoặc các địa điểm chịu sự kiểm tra, giám sát hài quan;

b) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan

từ khi làm thủ tục hải quan tạm nhập đến khi tái xuất ra khỏi lãnh thổ Việt nam;

người khai hải quan hoặc doanh nghiệp kinh đoanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

65

chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa tạm nhập trong suốt quá trình lưu giữ tại Việt

Nam và tái xuất chính hàng hóa đã tạm nhập.

3. Hàng hóa tạm nhập khẩu phải tái xuất khẩu trong thời hạn quy định; trường

hợp không tái xuất khẩu mà chuyển tiêu thụ nội địa phải làm thủ tục hải quan như

đối với hàng hóa nhập khẩu.

Điều 47. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng

miễn thuế

1. Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải

quan quản lý cửa hàng miễn thuế.

2. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế

được quy định như sâu:

a) Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế phải được lưu giữ tại cửa hàng miễn

thuế, kho của doanh nghiệp bán hàng miễn thuế đáp ứng yêu cầu giám sát hải

quan. Thời hạn lưu giữ hàng hóa không quá 12 tháng kế từ ngày hoàn thành thủ tục

hải quan. Trường hợp có lý đo chính đáng thì Chỉ cục trưởng Chi cục Hải quản

quản lý cửa hàng miễn thuế gia hạn một lần không quá 12 tháng;

b) Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế chịu sự kiếm tra, giám sát hải quan từ

khi làm thủ tục hải quan đến khi được bán, được xuất khẩu hoặc được xử lý theo

quy định của pháp luật.

3. Hàng hóa tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế nếu chuyển tiêu thụ

nội địa thì phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa nhập khẩu.

Điều 48, Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khấu,

tạm xuất khẩu

1. Các loại hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu bao gồm:

a) Phương tiện quay vòng đề chứa hàng hóa;

b) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp để phục vụ công việc trong thời hạn

nhất định;

c) Máy móc, thiết bị, phương tiện thi công, khuôn, mẫu theo các hợp đồng

thuê, mượn đề sản xuất, thi công;

d) Linh kiện, phụ tùng của chủ tàu nhập khẩu để phục vụ thay thế, sửa chữa

tàu biến, tàu bay nước ngoài;

đ) Hàng hóa tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

c) Hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.

2, Hàng hóa tạm xuất khẩu phải tải nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu phải

tái xuất khẩu trong thời hạn quy định và phải được làm thủ tục hải quan.

3. Hàng hóa tạm xuất khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu thuộc một tờ khai hải

quan được tái nhập khẩu, tái xuất khâu theo nhiều chuyến hàng thuộc nhiều tờ khai

hải quan tái nhập khẩu, tái xuất khẩu.

66

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

4. Hàng hóa tạm xuất khẩu mà không tái nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập khầu

mà không tái xuất khẩu nếu được bán, tặng, trao đổi phải làm thủ tục hải quản như

đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 49. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa là quà biếu, tặng

1. Hàng hóa là quà biếu, tặng phải được làm thủ tục hải quan; nếu là hàng hóa

xuất khấu, nhập khấu có điều kiện phải thực hiện theo quy định của pháp luật về

hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện.

Nghiêm cấm việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là quả biếu, tặng thuộc Danh

mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

2. Định mức hàng hóa là quả biếu, lặng được miễn thuế thực hiện theo quy

định của pháp luật về thuế.

Điều 50, Kiểm tra, giám sát hài quan đối với hàng hóa phục vụ yêu cầu

khần cấp, hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng

1. Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp là hàng hóa phục vụ việc khắc phục

hậu quả của thiên tai, dịch bệnh hoặc hàng hóa phục vụ các yêu cầu cứu trợ

khắn cấp.

Hàng hóa phục vụ yêu cầu khần cấp phải có văn bản xác nhận của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền.

Người khai hải quan được sử dụng tờ khai hải quan chưa hoàn chính hoặc

chứng từ thay thế tờ khai hải quan để làm thủ tục hải quan, Cơ quan hải quan quyết

định thông quan hàng hóa trên cơ sở tờ khai hài quan chưa hoàn chính hoặc chứng

từ thay thế tờ khai hài quan.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan chưa hoàn chính

hoặc kế từ ngày nộp chứng từ thay thể tờ khai hải quan, người khai hải quan phải

nộp tờ khai hải quan hoàn chinh và các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan.

2. Hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng:

a) Hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng theo văn bản xác nhận

của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an, người khai hải quan

được sử dụng tờ khai hải quan chưa hoàn chính để làm thủ tục hải quan. Cơ quan hải

quan quyết định thông quan hàng hóa trên cơ sở tờ khai hải quan chưa hoàn chính.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan chưa hoàn chính,

người khai hải quan phải nộp tờ khai hải quan hoàn chính và các chứng từ liên

quan thuộc hồ sơ hải quan;

b) Hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng có yêu cầu bảo mật

theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an

được miễn khai hải quan và miễn kiếm tra thực tế.

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

67

Điều 51. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa mua bán, trao đổi

của cư dân biên giới

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới là hàng hóa phục vụ sinh

hoạt, sản xuất bình thường của cư dân biên giới của Việt Nam với cư dân biên giới

của nước có chung đường biên giới quốc gia với Việt Nam.

2. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới phải chịu sự kiếm tra, giám

sát hài quan; nơi không có cơ quan hải quan thi chịu sự kiêm tra, giám sát của Bộ

đội biên phòng theo quy định của Luật này.

Điều 52. Kiểm tra, giám sát hài quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập

khẩu qua dịch vụ bưu chính, chuyên phát nhanh

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh

phải làm thủ tục hải quản, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quản.

2. Trường hợp người được ủy quyền khai hải quan là doanh nghiệp cung cấp

dịch vụ bưu chính, đoanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế thì

phải thực hiện trách nhiệm của người khai hải quan theo quy định tại Điều 18 của

Luật này; chi được chuyển, phát hàng hóa sau khi được thông quan.

Điều 53. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tài sản di chuyển

Tài sản di chuyển của cá nhân, gia đình, tổ chức phải làm thủ tục hài quan,

chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.

Cá nhân, tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là tài sản di chuyển phải có

giấy tờ chứng minh việc cư trú, hoạt động ở Việt Nam hoặc nước ngoài.

Điều 54. Kiểm tra, giám sát hài quan đối với hành lý của người xuất cành,

nhập cảnh

1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải

quan tại cửa khẩu.

2. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh vượt định mức miễn thuế phải làm

thủ tục hải quan như đổi với hàng hóa xuất khẩu, nhập khấu.

Người xuất cảnh, nhập cảnh có thể gửi hành lý vào kho tại cửa khấu và được

nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh.

3. Tiêu chuẩn hành lý, định mức hành lý được miễn thuế thực hiện theo quy

định của pháp luật về thuế.

Điều 55. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt

Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý của người

xuất cảnh, nhập cảnh

1. Người xuất cành, nhập cành mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam

tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý phải chịu sự kiểm

tra, giám sát hải quan.

68

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

2. Người nhập cành mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt,

công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý vượt mức quy định của Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam phải khai hải quan tại cửa khẩu.

3. Người xuất cảnh màng theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công

cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý vượt mức quy định của Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam phải khai hải quan và xuất trình giấy tờ theo quy định của

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại cửa khẩu.

Điều 56. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trên phương tiện

vận tải

1. Hàng hóa là vật dụng trên phương tiện vận tải không phải làm thủ tục hải

quan nhưng phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.

2, Hàng hóa mua từ phương tiện vận tài nhập cảnh phải làm thủ tục hải quan

như đối với hàng hóa nhập khẩu.

3. Hàng hóa cung ứng phục vụ phương tiện vận tải xuất cành, quá cảnh phải

làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu,

Điều 57. Kiểm tra, giám sát hài quan đối với túi ngoại giao, túi lãnh sự.

hành lý, phương tiện vận tải của cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền

ưu đãi, miễn trừ

1. Chế độ ưu đãi, miễn trừ quy định tại Luật này bao gồm ưu đãi, miễn trừ về

khai hải quan, kiểm tra hải quan.

2. Túi ngoại giao, túi lãnh sự được miễn khai, miễn kiếm tra hải quan.

Hành lý, phương tiện vận tải của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ

theo quy định của pháp luật về quyền ưu đãi, miễn trừ đành cho cơ quan đại điện

ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam

được miễn kiểm tra hải quan.

3. Khi có căn cứ khắng định túi ngoại giao, túi lãnh sự bị lạm dụng vào mục

đích trái với điều ước quốc tế về quan hệ ngoại giao, quan hệ lãnh sự mà Cộng hòa

xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc trong hành lý, phương tiện vận tải

có hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khấu, cấm nhập khẩu, hàng hóa

không thuộc loại được hưởng chế độ ưu đãi, miễn trừ thì Tổng cục trưởng Tông

cục Hải quan quyết định việc xử lý theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 58. Kiếm tra, giám sát hải quan, xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Hàng hóa tồn đọng được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn

hoạt động hải quan bao gồm:

a) Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ

việc từ bỏ.

Không thừa nhận việc chủ hàng hóa từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ

việc từ bỏ đổi với hàng hóa có đấu hiệu vi phạm pháp luật;

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

69

b) Hàng hóa nhập khấu quá 90 ngày kế từ ngày đến cửa khấu nhưng không có

người đến nhận;

c) Hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thu gom trong quá

trình xếp dỡ hàng hóa;

d) Hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, bản khai hàng hóa nhưng không có

người đến nhận.

2. Trường hợp cơ quan hải quan có căn cứ để xác định hàng hóa quy định tại

khoản 1 Điều này là hàng hóa buôn lậu thì xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Hàng hóa quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này mà không có

người nhận thì cơ quan hải quan thông báo công khai trên phương tiện thông tin

đại chúng. Trong thời hạn 60 ngày kế từ ngày thông báo, nếu chủ hàng hóa đến

nhận thì được làm thủ tục hải quan và bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử

lý vi phạm hành chính; nếu không có người đến nhận thì xử lý theo quy định tại

khoản 6 Điều này.

4, Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện dễ hư hỏng, hàng đông

lạnh, hóa chất độc hại, nguy hiêm, hàng sắp hết hạn sử dụng thì phải xử lý kịp thời

theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Doanh nghiệp kinh đoanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm

cảng, kho, bãi đáp ứng điều kiện giám sát hải quan để lưu giữ hàng hóa tồn đọng;

phối hợp xử lý hàng hóa tồn đọng theo quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Việc xử lý hàng hóa tồn đọng được thực hiện như sau:

a) Đối với hàng hóa tồn đọng, cơ quan hải quan xử lý theo quy định của pháp

luật. Trường hợp bản hàng hóa tồn đọng thì tiền bán hàng được nộp vào ngân sách

nhà nước sau khi trừ các khoản chi phi bán hàng và chi phí lưu cảng, kho, bãi tại

doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi;

b) Đối với hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, chủ phương tiện vận tải, người

điều khiên phương tiện vận tài hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền

có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đó ra khỏi lãnh thố Việt Nam. Trường hợp

không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiến phương tiện vận

tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền, cơ quan hải quản chủ trì,

phối hợp với doanh nghiệp kinh đoanh cảng, kho, bãi, chính quyền địa phương và

cơ quan liên quan thực hiện tiêu hủy.

Mục 4

KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VớI HÀNG HÓA NHẬP KHẢU

ĐỀ GIA CÔNG, SẢN XUẤT HÀNG HỐA XUÁT KHÁU

Điều 59. Trách nhiệm của cơ quan hài quan trong kiếm tra, giám sát hải

quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu

70

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

1. Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa

xuất khẩu phải chịu sự kiểm tra, giám sát hài quan từ khi nhập khẩu, trong quá

trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đỏi

mục đích sử dụng.

2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm:

a) Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất; năng lực gia công, sản xuất của tổ chức,

cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đề gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;

b) Kiểm tra việc sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu trong quá trình gia

công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, kiểm trạ số lượng hàng hóa tồn kho của tổ

chức, cá nhân gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;

c) Kiểm tra việc quyết toán, quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư của tổ chức,

cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu.

3, Việc kiêm tra, giám sát hải quan quy định tại Điều này thực hiện theo

nguyên tắc quản lý rủi ro.

Điều 60. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gia công, sản xuất hàng hóa

xuất khẩu

1. Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu với cơ quan hải quan.

2. Sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu vào mục đích gia công, sản xuất

hàng hóa xuất khẩu, Trường hợp thạy đổi mục đích sử dụng thi phải làm thủ tục

hải quan theo quy định của Luật này.

3. Lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nguyên liệu, vật tư sử dụng để gia công, sản

xuất hàng hóa xuất khẩu trong khu vực sản xuất; trường hợp lưu giữ ngoài khu vực

sản xuất phải được sự đồng ý của cơ quan hải quan.

4. Thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, kế toán, thống kê, lưu giữ chứng từ, số

sách, số liệu hàng hóa đưa vào, đưa rà cơ sở gia công, sản xuất, xuất trình số sách,

chứng tử, hàng hóa khi cơ quan hải quan kiếm tra,

5. Thực hiện báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập

khấu, hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan.

Mục 5

KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VớI

HÀNG HÓA TẠI KHO NGOẠI QUAN, KHO BÁO THUẾ,

ĐỊA ĐIỂM THU GOM HÀNG LỀ

Điều 61. Hàng hóa gửi tại kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu

gom hàng lẻ

1. Hàng hóa gửi kho ngoại quan được lưu giữ trong thời gian không quá 12

tháng kế từ ngày được gửi vào kho; trường hợp có lý đo chính đáng thì được Cục

trưởng Cục Hải quan đang quản lý kho ngoại quan gia hạn một lần không quá 12 tháng.

71

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

2. Nguyên liệu, vật tư được lưu giữ tại kho bảo thuế để sản xuất hàng hóa xuất

khẩu trong thời gian không quá 12 tháng kể từ ngày được gửi vào kho; trường hợp

có lý do chính đáng theo yêu cầu của chu trình sản xuất thi được Chi cục trưởng

Chi cục Hải quan đạng quản lý kho bảo thuế gia hạn, Thời gian gia hạn phù hợp

với chu trình sản xuất.

3. Hàng hóa được đưa vào địa điểm thu gom hàng lê gồm hàng hóa nhập khẩu

chưa làm thủ tục hải quan, hàng hóa xuất khấu đã hoàn thành thủ tục hải quan hoặc

đã đăng ký tờ khai hài quan nhưng việc kiêm tra thực tế hàng hóa sẽ được thực

hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ,

Hàng hóa được lưu giữ tại địa điểm thu gom hàng lẻ trong thời gian không quá

90 ngày kê từ ngày được đưa vào địa điểm thu gom hàng lè, trường hợp có lý đo

chính đáng thì được Chi cục trưởng Chi cục Hải quan đang quản lý địa điểm thu

gom hàng lè gia hạn một lần không quá 90 ngày.

Điều 62. Điều kiện thành lập kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu

gom hàng lẻ

1. Kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ được thành lập tại địa bàn nơi có

các khu vực sau đây;

a) Cảng biến, cảng hàng không đân dụng quốc tế, cảng xuất khẩu, nhập khẩu

hàng hóa được thành lập trong nội địa, cửa khấu đường bộ, ga đường sắt liên vận

quốc tế;

b) Khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu phủ thuế quan và các khu vực

khác theo quy định của pháp luật.

2. Kho báo thuế được thành lập trong khu vực nhà máy của doanh nghiệp sản

xuất hàng hóa xuất khẩu.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định thành lập, gia hạn thời gian

hoạt động, tạm dừng và chấm đứt hoạt động kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa

điểm thu gom hàng le,

4. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của kho ngoại quan,

kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lê.

Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại

quan, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lè, doanh nghiệp kinh

doanh dịch vụ thu gom hàng lè, chủ hàng hóa, chủ kho bảo thuế

1. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan

có quyền và nghĩa vụ sau đây;

a) Doanh nghiệp kinh đoanh kho ngoại quan được thực hiện hợp đồng nhận

hàng hóa gửi kho ngoại quan; được di chuyển hàng hóa trong kho ngoại quan theo

thỏa thuận với chủ hàng hóa.

72

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu

kiểm tra hàng hóa của cơ quan hải quan, Định kỳ 03 tháng một lần, doanh nghiệp

kinh doành khô ngoại quan phải thông báo bằng văn bản với Cục Hải quan đang

quản lý kho ngoại quan về hiện trạng hàng hóa và tình hình hoạt động của kho

ngoại quan;

b) Chủ hàng hóa được gia cố bao bi, phân loại hàng hóa, lấy mẫu hàng hóa và

thực hiện các công việc khác dưới sự giám sát của công chức hải quản; được

chuyển quyền sở hữu hàng hóa, Việc chuyên hàng hóa từ kho ngoại quan này sang

kho ngoại quan khác phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục trưởng Cục Hải

quan đang quản lý kho ngoại quan nơi lưu giữ hàng hóa đó.

2. Chủ kho bảo thuế có quyền và nghĩa vụ sau đây;

a) Lưu giữ hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khấu đề sản xuất hàng hóa

xuất khẩu;

b) Được sắp xếp, đóng gói lại, di chuyển hàng hóa trong kho bảo thuế;

c) Thông báo trước cho cơ quan hải quan kế hoạch dự kiến đưa nguyên liệu,

vật tư trong kho bảo thuế vào sản xuất;

d) Định kỳ 03 tháng một lần, thông báo bằng văn bản với Cục Hải quan quản

lý kho bào thuế về hiện trạng hàng hóa và tình hình hoạt động của kho bảo thuế;

đ) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hàng năm, phải lập bảng tổng hợp các tờ

khai hải quan nhập khẩu và số lượng nguyên liệu, vật tư đã đưa vào kho bảo thuế,

tổng hợp các tờ khai hải quan xuất khẩu và số lượng hàng hóa đã xuất khẩu trong

năm trước đó gửi Cục Hải quan đang quản lý kho bảo thuế.

3. Chủ hàng hóa, đoanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ và đoanh

nghiệp kinh doanh địch vụ thu gom hàng lẻ có quyền và nghĩa vụ sau đảy:

a) Chủ hàng hóa được chuyển quyền sở hữu hàng hóa, đóng gói, đóng gói lại,

gia cố, sửa chữa, bào quản hàng hóa;

b) Doanh nghiệp kinh doanh địch vụ thu gom hàng lẻ được chia tách, đóng

ghép các lộ hàng của nhiều chủ hàng hóa vận chuyển chung trong một công-4c-nơ,

sắp xếp, sắp xếp lại hàng hóa lưu giữ;

c) Định kỳ 03 tháng một lần, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng

le phải thông báo bằng văn bản với Cục Hải quan đang quản lý địa điểm thu gom

hàng lẻ về hiện trạng hàng hóa và tình hình hoạt động của đoanh nghiệp kinh

doanh địa điểm thu gom hàng lẻ.

4. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh đoanh địa

điểm thu gom hàng lê, chủ kho bào thuế có trách nhiệm thực hiện chế độ kế toán,

thống kê, trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật quản lý hàng hóa bằng phương

thức điện tử và nối mạng với cơ quan hải quan để thực hiện việc kiêm tra, giám sát

hải quan theo quy định của Luật này.

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

73

5. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh địa

điểm thụ gom hàng lè, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lé, chủ khọ

bảo thuế, chủ hàng hóa có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật về

hoạt động của kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lè.

Mục 6

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

ĐỐI VớI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN CHỊU SỰ GIÁM SÁT HAI QUAN

Điều 64. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát

hải quan

1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan bao gồm hàng hóa quá cảnh

và hàng hóa chuyển cửa khẩu.

2. Khi vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, người khai hải quan

phải khai tờ khai vận chuyển hàng hóa; nộp hoặc xuất trình chứng từ theo quy định

tại điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật này.

3. Cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai vận chuyển hàng hóa, kiểm tra các

chứng từ và hàng hóa do người khai hải quan xuất trình để quyết định cho phép

vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.

4. Trong thời gian vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, nếu

người khai hải quan thực hiện việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô

hàng, thay đổi phương thức vận tài hoặc các công việc khác thì phải thông báo và

được sự đồng ý của cơ quan hải quan trước khi thực hiện, Cơ quan hải quan có

trách nhiệm trả lời trong thời hạn 02 giờ kế từ khi nhận được thông báo của người

khai hải quan.

Điều 65. Tuyến đường, thời gian vận chuyển

1. Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan phải được vận chuyển đúng tuyến

đường, đúng cửa khẩu, đúng thời hạn.

2. Tuyến đường vận chuyển hàng hóa quá cánh theo quy định của Bộ trưởng

Bộ Giao thông vận tải.

3. Tuyến đường vận chuyển hàng hóa chuyển cửa khẩu do người khai hải quan

đăng ký và được cơ quan hải quan nơi tiếp nhận và xử lý hồ sơ chấp nhận.

Mục 7

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

ĐỐI VớI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Điều 66. Thông báo thông tin phương tiện vận tải

Chủ phương tiện vận tài, người điều khiến phương tiện vận tài, người được chủ

phương tiện vận tài ủy quyền hoặc người phát hành chứng từ vận chuyên phải thông

74

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

báo thông tin trực tiếp cho cơ quan hải quan hoặc qua hệ thống thông tin một cửa

quốc gia về hàng hóa xuất khẩu, nhập khấu và hành khách xuất cảnh, nhập cảnh trên

phương tiện vận tài trước khi nhập cảnh, xuất cảnh.

Điều 67. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải

Phương tiện vận tải khi xuất cảnh, nhập cảnh phải qua cửa khẩu.

Phương tiện vận tải nhập cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu

nhập cảnh đầu tiên. Phương tiện vận tải xuất cảnh phải được làm thủ tục hải quản

tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng.

Điều 68. Tuyến đường, thời gian chịu sự giám sát hải quan đối với phương

tiện vận tải

1. Phương tiện vận tải thương mại nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

phải dị chuyển theo đúng tuyến đường quy định, chịu sự giám sát hải quan từ khị

đến địa bàn hoạt động hải quản, quá trình di chuyển cho đến khi ra khỏi lãnh thổ

Việt Nam.

2. Phương tiện vận tải thương mại Việt Nam nhập cảnh chịu sự giám sát hải

quan từ khi tới địa bàn hoạt động hải quan cho đến khi toàn bộ hàng hóa nhập khẩu

chuyên chờ trên phương tiện vận tải được đờ hết khỏi phương tiện để làm thủ tục

nhập khẩu.

Phương tiện vận tải thương mại Việt Nam xuất cảnh chịu sự giám sát hải quan từ

khi bắt đầu xếp hàng hóa xuất khẩu cho đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

3. Phương tiện vận tài không nhằm mục đích thương mại nhập cảnh, xuất

cảnh, quá cánh chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan khi làm thủ tục hải quan tại cửa

khẩu nhập cảnh, xuất cảnh hoặc địa điểm khác theo quy định của pháp luật.

4. Khi có căn cứ cho rằng trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái

phép, có đấu hiệu khác vi phạm pháp luật thị thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm

thủ tục hài quan đổi với phương tiện vận tải, Đội trưởng Đội Kiêm soát Hải quản

quyết định tạm hoàn việc khởi hành hoặc đừng phương tiện vận tài để khám xét.

Việc khám xét phải thực hiện theo quy định của pháp luật, người ra quyết định

phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 69. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải

1. Khi làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, chủ phương tiện vận

tải, người điều khiển phương tiện vận tài hoặc người được chủ phương tiện vận tải

ủy quyền phải khai hài quan; nộp, xuất trình các chứng từ vận tải để làm thủ tục

hài quan, cung cấp các thông tin, chứng từ về hàng hóa, vật dụng trên phương tiện

vận tải.

Trường hợp các chứng từ liên quan đã đáp ứng yêu cầu của việc kiếm tra hải

quan thì chủ phương tiện vận tài, người điều khiên phương tiện vận tải hoặc người

được chủ phương tiện vận tải ủy quyền không phải khai hải quan, trừ hành lý, hàng

hóa xuất khẩu, nhập khấu của người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải.

75

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

2. Thời hạn khai và nộp tờ khai hải quan, chứng từ liên quan được quy định

như sau:

a) Đối với phương tiện vận tải quá cảnh được thực hiện ngay khi tới cửa

khẩu nhập cảnh đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất

cảnh cuối cùng;

b) Đối với phương tiện vận tải đường biển nhập cảnh được thực hiện chậm

nhất 02 giờ sau khi cảng vụ thông báo phương tiện vận tải nhập cảnh đã đến vị trí

đón hoa tiêu; đối với phương tiện vận tải đường biển xuất cảnh được thực hiện

chậm nhất 01 giờ trước khi phương tiện vận tài xuất cảnh;

c) Đối với phương tiện vận tải đường hàng không xuất cảnh, nhập cảnh

được thực hiện ngày khi phương tiện vận tài nhập cảnh đến cửa khẩu và trước

khi tổ chức vận tải chấm đứt việc làm thủ tục nhận hàng hóa xuất khẩu, hành

khách xuất cảnh;

d) Đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ và đường sông xuất cảnh,

nhập cảnh được thực hiện ngày sau khi phương tiện vận tài đến cửa khẩu nhập cảnh

đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng.

3, Phương tiện vận tải quân sự, phương tiện vận tải khác được sử dụng vào

mục đích quốc phòng, an ninh phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát

hải quan.

4. Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với

phương tiện vận tải.

Điều 70. Chuyển tài, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý trên

phương tiện vận tài

Việc chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp đỡ hàng hóa, hành lý trên phương tiện

vận tải đang chịu sự kiếm tra, giám sát hải quan chi được tiến hành khi có sự đồng

ý của cơ quan hải quan.

Hàng hóa chuyển tải, sang toa, cắt toa phải được giữ nguyên trạng bao bi,

thùng, kiện.

Điều 71. Vận chuyển quốc tế kết hợp vận chuyển nội địa, vận chuyển nội

địa kết hợp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Phương tiện vận tải khi vận chuyển quốc tế, nếu được phép của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền và đáp ứng các điều kiện về giám sát hài quan theo quy định

của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì được kết hợp vận chuyển hàng hóa nội địa.

2. Phương tiện vận tài vận chuyến nội địa, nếu được phép của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền và đáp ứng các điều kiện về giám sát hải quan theo quy định

của Bộ trường Bộ Tài chính thì được kết hợp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập

khẩu đang chịu sự giám sát hải quan.

76

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Điều 72. Trách nhiệm của người đứng đầu tại sân bay, cảng biển, ga

đường sắt liên vận quốc tế

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại sản bay, cáng biển, ga

đường sắt liên vận quốc tế có trách nhiệm thông báo với cơ quan hải quan thông

tin liên quan đến thời gian đến và đi, địa điểm đỗ của tàu biển, tàu bay, tầu hóa liên

vận quốc tế; thời gian xếp dỡ hàng hóa lên, xuống tàu biên, tàu bày, tàu hóa liên

vận quốc tế.

Mục 8

KIỂM TRA, GIÁM SÁT, TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC

HẢI QUAN ĐỐI VớI HÀNG HỐA NHẬP KHÂU, XUÁT KHÂU

CÓ YÊU CẦU BÁO VỆ QUYỀN SỞ HữU TRÍ TUỆ

Điều 73. Nguyên tắc kiếm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan

1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ theo quy định của pháp luật về

sở hữu trí tuệ có quyền đề nghị cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp kiêm tra,

giám sát hoặc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập

khẩu có đấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Cơ quan hải quan chi quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với

hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được

ủy quyền hợp pháp có đơn đề nghị, bằng chứng về sở hữu hợp pháp quyền sở hữu

trí tuệ, bằng chứng về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và đã nộp một khoản tiền

hoặc chứng từ bảo lãnh của tổ chức tín dụng để bảo đảm bồi thường thiệt hại và

các chị phát sinh theo quy định của pháp luật do việc đề nghị tạm dừng làm thủ

tục hài quan không đúng,

3. Các quy định về việc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất

khấu, nhập khẩu có đấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ quy định tại Luật này

không áp dụng đổi với hàng hóa viện trợ nhân đạo, tài sản dị chuyển, hàng hóa

được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ, hành lý, quả biếu, quả tặng trong tiêu chuẩn

miền thuế và hàng hóa quá cảnh.

Điều 74. Thủ tục đề nghị kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục

hải quan

1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền

hợp pháp nộp đơn đề nghị cơ quan hài quan kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ

tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có đấu hiệu xâm phạm quyền

sở hữu trí tuệ.

2. Trường hợp đề nghị kiểm tra, giám sát, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc

người được ủy quyền hợp pháp phải nộp phi, lệ phi theo quy định của pháp luật về

phí và lệ phí và cung cấp cho cơ quan hải quan đầy đủ các tài liệu sau:

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

77

a) Đơn đề nghị; văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền nộp đơn;

b) Bản sao văn bằng bào hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc tài liệu khác

chứng minh quyền sở hữu công nghiệp đang được bào hộ tại Việt Nam hoặc

bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối

tượng sở hữu công nghiệp; bản sao giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả,

quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng hoặc tài liệu

khác chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối

với giống cây trồng;

c) Mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, ánh chụp, các đặc

điểm phân biệt hàng thật với hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

d) Danh sách những người xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa có yêu

cầu giám sát; đanh sách những người có khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa

xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa có

yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là 02 năm kế từ ngày cơ quan hài quan chấp

nhận yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Thời hạn này có thể được gia hạn

thêm 02 năm nhung không được quá thời hạn bảo hộ đổi tượng quyền sở hữu trí

tuệ có liên quan theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ.

3. Trường hợp đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan, chủ thể quyền sở hữu trí

tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp phải cung cấp cho cơ quan hải quan các

tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này và nộp khoản tiền hoặc chứng từ bảo lãnh

của tổ chức tín dụng bằng 20% trị giá lô hàng theo giá ghi trong hợp đồng hoặc tối

thiếu 20 triệu đồng nếu chưa biết trị giá lô hàng nghi ngờ xâm phạm để bồi thường

thiệt hại và các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật do việc đề nghị tạm

dừng làm thủ tục hài quan không đúng.

Điều 75. Tiếp nhận, xử lý đơn đề nghị kiếm tra, giám sát, tạm dừng làm

thủ tục hải quan

1. Nơi nhận đơn đề nghị:

a) Chi cục Hải quan nhận đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan;

b) Tổng cục Hải quan nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hải quan.

2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn

về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn đề nghị theo thời hạn sau đây;

a) Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày nhận được đủ các tài liệu quy định tại khoản 2

Điều 74 của Luật này;

b) Chậm nhất 02 giờ làm việc kế từ thời điểm nhận được đủ các tài liệu quy

định tại khoản 3 Điều 74 của Luật này.

Trường hợp từ chối đơn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý đo.

78

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Điều 76. Thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan

1. Thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với người yêu cầu đã được cơ quan

hải quan chấp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát được thực hiện như sau;

a) Khi phát hiện lô hàng có đấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan

hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan và thông báo ngay bằng văn bản cho người

yêu cầu biết;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kế từ ngày nhận được thông báo của cơ

quan hài quan, người yêu cầu có đơn đề nghị không có yêu cầu tạm dừng làm thủ

tục hải quan thi cơ quan hải quan tiếp tục làm thủ tục hải quan theo quy định.

Trường hợp người nộp đơn yêu cầu bằng văn bản đề nghị tạm dừng, đồng thời

nộp một khoản tiền hoặc chứng từ bảo lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 74 của

Luật này thì cơ quan hải quan quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan.

2. Trường hợp chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có yệu cầu tạm dừng làm thủ tục

hải quan đối với hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nhưng chưa

có đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát thì cơ quan hải quan quyết định tạm dừng làm

thủ tục hải quan nếu đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật này.

3. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ

quan hài quan rà quyết định. Trong trường hợp người yêu cầu tạm dừng có lý đo

chính đáng thì thời hạn này có thể kéo dải, nhưng không quá 20 ngày làm việc với

điều kiện người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan phải nộp thêm khoản tiền

hoặc chứng từ bảo lãnh quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật này.

4. Kết thức thời hạn tạm dừng quy định tại khoản 3 Điều này mà người yêu cầu

tạm dừng làm thủ tục hải quan không khởi kiện dân sự và cơ quan hài quan không

quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan hải

quan tiếp tục làm thủ tục hài quan cho lô hàng.

Trường hợp người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hài quan rút đơn yêu cầu và

cơ quan hải quan không quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tực xử lý vi phạm hành

chính trước khi kết thúc thời hạn tạm dừng thi cơ quan hải quan tiếp tục làm thủ

tục hài quan ngày cho lô hàng.

5. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp phải

thanh toán các khoản chị phí phát sinh bao gồm phí lưu kho, bãi, xếp dỡ, bảo quản

hàng hóa cho chủ hàng do việc tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra.

6. Cơ quan hải quan hoàn trả các khoản tiền bảo đảm cho chủ thể quyền sở

hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp sau khi chủ thể quyền sở hữu trí

tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán các chị

phí và thiệt hại phát sinh theo quyết định của cơ quan hải quan hoặc cơ quan có

thẩm quyền.

7. Thời hạn nộp thuế (nếu có) được tính từ ngày cơ quan hải quan quyết định

tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng.

79

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Mục 9

KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Điều 77. Kiểm tra sau thông quan

1. Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với

hồ sơ hải quản, số kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu

có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và

còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan.

Việc kiếm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội

dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ

quan hải quan; đánh giá việc tuăn thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của

pháp luật liên quan đến quản lý xuất khấu, nhập khấu của người khai hải quan.

2. Kiểm tra sau thông quan được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quản, trụ sở

người khai hải quan.

Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản

xuất, nơi lưu giữ hàng hóa.

3, Thời hạn kiểm tra sau thông quan là 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai

hải quan.

Điều 78. Các trường hợp kiếm tra sau thông quan

1. Kiểm tra khi có đấu hiệu vị phạm pháp luật hải quan và quy định khác của

pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thì việc

kiểm tra sau thông quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi rô.

3. Kiếm tra việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan.

Điều 79. Kiếm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan

1. Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành

quyết định kiểm tra sau thông quan, yêu cầu người khai hải quan cung cấp hóa

đơn thương mại, chứng từ vận tải, hợp đồng mua bán hàng hóa, chứng từ chứng

nhận xuất xứ hàng hóa, chứng từ thanh toán, hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa

liên quan đến hồ sơ đang được kiểm tra và giải trình những nội dung liên quản.

Thời gian kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 05

ngày làm việc.

2. Quyết định kiếm tra sau thông quan phải gửi cho người khai hải quan trong

thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chặm nhất là 05 ngày làm việc trước

ngày tiến hành kiểm tra.

Người khai hải quan có trách nhiệm giải trình, cung cấp hồ sơ, chứng từ liên

quan đến hồ sơ đang được kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

80

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Trong thời gian kiểm tra, người khai hải quan có quyền giải trình, bổ sung

thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ hải quan.

3. Việc xử lý kết quả kiếm tra được quy định như sau:

a) Trường hợp thông tin, chứng từ, tài liệu được cung cấp và nội dung đã

giải trình chứng minh nội dung khai hải quan là đúng thì hồ sơ hải quan được

chấp nhận;

b) Trường hợp không chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng hoặc

người khai hài quan không cung cấp hồ sơ, chứng tử, tài liệu, không giải trình theo

yêu cầu kiểm tra thì cơ quan hải quan quyết định xử lý theo quy định của pháp luật

về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, người ra

quyết định kiểm tra phải ký thông báo kết quả kiểm tra và gửi cho người khai

hải quan.

Điều 80. Kiếm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan

1. Thẩm quyền quyết định kiếm tra sau thông quan:

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Hài quan, Cục trưởng Cục Kiếm tra sau thông

quan quyết định kiếm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc;

b) Cục trường Cục Hải quan quyết định kiêm tra sau thông quan trong địa bàn

quản lý của Cục.

Trường hợp kiểm tra doanh nghiệp không thuộc phạm vi địa bàn quản lý được

phân công, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét phân công đơn vị

thực hiện kiếm tra.

Việc kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan thực hiện

theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Tổng cục trưởng Tổng cục

Hải quan ban hành.

2. Thời hạn kiểm tra sau thông quan:

a) Thời hạn kiểm tra sau thông quan được xác định trong quyết định kiểm tra,

nhưng tối đa là 10 ngày làm việc, Thời gian kiêm trả được tính từ ngày bắt đầu tiến

hành kiếm tra; trường hợp phạm vi kiêm tra lớn, nội dung phức tạp thì người đã ký

quyết định kiêm tra có thế gia hạn một lần không quá 10 ngày làm việc;

b) Quyết định kiếm tra sau thông quan phải gửi cho người khai hải quan

trong thời hạn 03 ngày làm việc kế từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc

trước ngày tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của

Luật này.

3, Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan;

a) Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan khi bắt đầu tiến hành kiếm tra;

81

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

b) Đối chiếu nội dung khai báo với số kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài

chính, các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập

khẩu trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra sau thông quan;

c) Lập biên bản kiểm tra sau thông quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ

ngày kết thúc việc kiếm tra;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người quyết định

kiểm tra phải ký kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan. Trường hợp kết

luận kiếm tra cấn có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn

ký kết luận kiểm tra được tính từ ngày có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ

quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận

được yêu cầu của cơ quan hải quan;

đ) Xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử lý theo kết quả

kiêm tra.

4. Trường hợp người khai hải quan không chấp hành quyết định kiểm tra,

không giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu đúng thời hạn cho cơ quan hải quan thì cơ

quan hài quan căn cứ hồ sơ, tài liệu đã thu thập, xác minh để quyết định xử lý theo

quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc thực

hiện thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 81. Nhiệm vụ và quyền hạn của công chức hải quan trong kiếm tra

sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan

1. Tổng cục trường Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiếm tra sau thông

quan, Cục trưởng Cục Hài quan có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Ban hành quyết định kiếm tra, thành lập Đoàn kiểm tra;

b) Gia hạn thời gian kiếm tra trong trường hợp cần thiết;

c) Ban hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiếm tra; quyết định xử lý theo

quy định của pháp luật về thuể, pháp luật về xử lý vị phạm hành chính theo thẩm

quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của

pháp luật;

d) Giải quyết khiếu nại, tổ cáo theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng đoàn kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tổ chức, chi đạo thành viên đoàn kiếm tra thực hiện đúng nội dung, đối

tượng, thời hạn kiêm tra ghi trong quyết định kiếm tra;

b) Yêu cầu người khai hải quan cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn

bản giải trình về những vấn đề liên quản đến nội dung kiếm tra, xuất trình hàng

hóa để kiêm tra trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện;

c) Lập biên bản và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý đối với hành vì không

chấp hành, cản trở, trì hoãn thực hiện quyết định kiểm tra của người khai hải quan;

82

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

d) Tạm giữ, niêm phong tài liệu, tang vật trong trường hợp người khai hải

quan có biểu hiện tấu tán, tiêu hủy tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi vi

phạm pháp luật;

đ) Lập, ký biên bản kiểm tra;

c) Báo cáo kết quả kiểm tra với người ban hành quyết định kiểm tra và chịu

trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của báo cáo đó.

3. Thành viên đoàn kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn kiểm tra;

b) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Trưởng đoàn kiểm tra;

chịu trách nhiệm trước pháp luật và Trưởng đoàn kiểm tra về tính chính xác, trung

thực, khách quan của báo cáo;

c) Lập, ký biên bản kiểm tra theo sự phân công của Trưởng đoàn kiểm tra.

Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan trong kiểm tra sau

thông quan

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 của Luật này.

2. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác hồ sơ, chứng từ theo yêu cầu và chịu

trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ, chứng từ đó.

3. Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm tra,

thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Nhận bản kết luận kiểm tra và yêu cầu giải thích nội dung bản kết luận kiểm

tra; bảo lưu ý kiến trong bản kết luận kiểm tra.

5. Yêu cầu Trưởng đoàn kiểm tra xuất trình quyết định kiểm tra, giấy chứng

minh hải quan trong trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai

hải quan.

6. Chấp hành yêu cầu kiểm tra sau thông quan, cử người có thẩm quyền làm

việc với cơ quan hải quan.

7. Giải trình những vấn đề liên quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

8. Ký biên bản kiểm tra.

9. Chấp hành quyết định xử lý của cơ quan hải quan và các cơ quan có

thẩm quyền.

Chương IV

TỔ CHỨC THU THUỂ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC

ĐỐI VớI HÀNG HỐA XUÁT KHẦU, NHẬP KHẦU

Điều 83. Trách nhiệm của người khai hải quan trong việc kê khai, tính

thuế, nộp thuế và các khoản thu khác

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

83

1. Kê khai, tính thuế chính xác, trung thực, đầy đủ, đúng thời hạn và chịu trách

nhiệm về việc kê khai, tính thuế của mình.

2. Nộp thuế và các khoản thu khác đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của

pháp luật về thuế, phi, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chấp hành quyết định của cơ quan hải quan về thuế và các khoản thu khác

theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có

liên quan.

Điều 84. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc tổ chức thu thuế và

các khoản thu khác

1. Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện thống nhất việc thu thuế và các khoản

thu khác đổi với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; việc áp dụng các biện pháp đề

bảo đàm thu đúng, thu đủ thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật

về thuế, phi, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quản.

2. Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo chức

năng và thẩm quyền được phân cấp kiểm tra việc kê khai, tính thuế; thực hiện miễn

thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, ấn định thuế, gia hạn, xóa nợ tiền thuế,

tiền chậm nộp, tiền phạt đổi với người khai hải quan; thu thuế, các khoản thu khác

và quản lý việc nộp thuế.

Điều 85. Xác định mức thuế, thời điểm tính thuế, thời hạn nộp thuế đối

với hàng hóa xuất khẩu, nhập khấu

Việc xác định mức thuế đổi với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu căn cứ vào mã

số hàng hóa và chính sách thuế đổi với hàng hóa xuất khấu, nhập khẩu có hiệu lực

tại thời điểm tính thuế,

Thời điểm tính thuế, thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 86. Trị giá hải quan

1. Trị giá hải quan được sử dụng làm cơ sở cho việc tính thuế xuất khẩu, thuế

nhập khẩu và thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến

cửa khẩu xuất, không bao gồm phi bào hiểm và phí vận tải quốc tế.

3. Trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến

cửa khẩu nhập đầu tiên, phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Tỷ giá tính thuế là tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền Việt Nam với đồng tiền nước

ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế, Trường

hợp tại thời điểm tính thuế mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá

hối đoái thì áp dụng tý giá hồi đoái của lần công bố gần nhất.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

84

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Chương V

PHÒNG, CHỐNG BUÔN LẬU, VẬN CHUYỂN

TRÁI PHẾP HÀNG HÓA QUA BIÊN GIớI

Điều 87. Nhiệm vụ của Hải quan trong phòng, chống buôn lậu, vận

chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan hải quan các cấp tổ

chức thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trải phép hàng hóa

qua biên giới.

2. Cơ quan hải quan các cấp được thành lập đơn vị chuyên trách để thực hiện

nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trải phép hàng hóa qua biên giới.

Điều 88, Phạm vi trách nhiệm phòng, chống buôn lậu, vận chuyến trái

phép hàng hóa qua biên giới

1. Trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chịu trách

nhiệm kiếm tra, giám sát, kiểm soát hài quan đối với hàng hóa, phương tiện

vận tài để chủ động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trải phép hàng hóa quá

biên giới.

Trường hợp hàng hóa, phương tiện vận tải chưa đưa ra khỏi phạm vi địa bàn

hoạt động hải quan mà cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện có hành vi buôn lậu,

vận chuyển trải phép hàng hóa qua biên giới thi cơ quan, tổ chức, cá nhân đó báo

ngay cho cơ quan hải quan để kiểm tra, xử lý.

Trường hợp có căn cứ xác định hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua

biên giới, phương tiện vận tài chở hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua

biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động

hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục truy đuối, thông báo cho cơ quan công an,

bộ đội biên phòng, cảnh sắt biên, quản lý thị trường trên địa bàn độ phối hợp, đồng

thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Việc

dừng, truy đuổi phương tiện vận tài nước ngoài đang đi trong vùng biên Việt Nam

được thực hiện theo quy định của Luật biến Việt Nam.

2. Trường hợp hàng hóa, phương tiện vận tải đã đưa ra ngoài phạm vi địa bàn

hoạt động hài quan mà cơ quan nhà nước hữu quan có căn cứ cho rằng có hành vi

buôn lậu, vận chuyển trải phép hàng hóa qua biên giới thi theo thẩm quyền, cơ

quan đó thực hiện việc kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật, cơ quan hải

quan có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan thực hiện các

biện pháp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trải phép hàng hóa qua biên giới.

3. Đối với hàng hóa chịu sự giám sát hải quan đang vận chuyển trên các

tuyến đường, cơ quan hải quan có trách nhiệm giám sát bằng các biện pháp

nghiệp vụ hải quan; khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật thì cơ quan hài

quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan kiếm tra, xử lý theo

quy định của pháp luật.

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

85

4. Tại vùng nội thủy, lặnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, cơ quan hải quan thực

hiện, phối hợp thực hiện tuần tra, kiếm soát nhằm ngăn ngừa hành vi buôn lậu, vận

chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử

lý vi phạm theo thẩm quyền trong vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định

của Luật biên Việt Nam.

5. Ủy ban nhân dân các cấp chi đạo phối hợp hoạt động của cơ quan hải quan và

các cơ quan nhà nước hữu quan khác tại địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ

phòng, chống buôn lậu, vận chuyên trái phép hàng hóa qua biên giới.

6. Chính phủ quy định chi tiết biện pháp nghiệp vụ kiếm soát hải quan; trách

nhiệm phối hợp của các cơ quan với cơ quan hải quan trong phòng, chống buôn

lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Điều 89. Thẩm quyền của cơ quan hải quan trong việc áp dụng các biện

pháp phòng, chống buôn lậu, vận chuyên trái phép hàng hóa qua biên giới

1. Tổ chức lực lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu, áp dụng biện pháp nghiệp vụ

kiếm soát hải quan, thụ thập thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến

hoạt động hải quan đề chủ động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép

hàng hóa qua biên giới, phục vụ thông quan hàng hóa và kiếm tra sau thông

quan; phối hợp với các cơ quan hữu quan bảo vệ bí mật về người cung cấp

thông tin các vụ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy

định của pháp luật.

2. Thực hiện kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; chủ trì,

phối hợp với cơ quan nhà nước hữu quan thực hiện các hoạt động phòng, chống buôn

lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trong địa bàn hoạt động hải quản.

Khi tiến hành kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tài trong

địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quản được áp dụng biện pháp tuần trả,

điều tra, xác mình hoặc biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật này,

pháp luật xử lý vi phạm hành chính, pháp luật tổ tụng hình sự và pháp luật tổ chức

điều tra hình sự.

3. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu đề

phục vụ việc kiểm tra, điều tra, xác minh hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép

hàng hóa qua biên giới.

4. Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyến phát nhanh mở

bưu phẩm, hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu qua đường bưu chính, chuyển phát

nhanh đề kiêm tra khi có căn cứ cho rằng bưu phẩm, hàng hóa đó có tài liệu, hàng

hóa liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

5. Sử dụng cờ hiệu, đèn hiệu, pháo hiệu, cỏi, loa; sử dụng vũ khí và công cụ hỗ trợ

theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nồ và công cụ hỗ trợ.

6. Ngoài địa bàn hoạt động hài quan, cơ quan hải quan phối hợp, thực hiện các

hoạt động kiêm soát hài quan đề phòng, chống buôn lậu, vận chuyên trái phép

hàng hóa qua biên giới theo quy định của pháp luật.

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

86

Điều 90. Thẩm quyền của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong việc

xử lý hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

1. Xử lý vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý

vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xứ lý vi phạm hành chính.

Trường hợp có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng

hóa qua biến giới, Chỉ cục trưởng Chi cục Hải quản, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc

Cục Hải quan, Đội trường Đội Kiểm soát chống buôn lậu và Hài đội trường Hai đội

Kiểm soát trên biền thuộc Cục Điều trả chống buôn lậu có thẩm quyền dừng phương

tiện vận tải, tạm giữ người, áp giải người vi phạm, Trình tự, thủ tục tạm giữ người, áp

giải người vi phạm theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan đến mức phải trụy

cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan hải quan, công chức hải quan có thẩm quyền

khởi tổ vụ án, khởi tố bị can, thực hiện các hoạt động điều trả theo quy định của

pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật tổ chức điều tra hình sự.

3. Cơ quan hải quan, công chức hài quan khi tiến hành các hoạt động được quy

định tại Điều này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 91. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân liên quan trong phòng,

chống buôn lậu, vận chuyên trái phép hàng hóa qua biên giới

1. Trong việc phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên

giới, tổ chức và cá nhân liên quan có quyền;

a) Cung cấp các thông tin, hồ sơ tài liệu và chứng cứ liên quan đến vụ việc vị

phạm cho cơ quan hải quan; đề nghị cơ quan hải quan trưng cầu giám định để bảo

vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

b) Được bảo vệ bi mật, bảo vệ tính mạng và được hưởng các đãi ngộ theo quy

định của pháp luật khi cung cấp thông tin, tổ giác, tổ cáo về các hành vi buôn lậu,

vận chuyên trái phép hàng hóa qua biễn giới.

2. Trong việc phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên

giới, tổ chức và cá nhân liên quan có nghĩa vụ:

a) Người điều khiến, người có mặt trên phương tiện vận tải phải chấp hành

lệnh dừng phương tiện, khâm xét và xuất trình giấy tở, chứng tử, tài liệu theo yêu

cầu của công chức hài quan. Người điều khiến phương tiện vận tải có trách nhiệm

cung cấp sơ đồ hầm hàng, chi dẫn, mờ nơi nghi vắn cắt giữ hàng hóa trên phương

tiện vận tải để công chức hải quan tiến hành khám xét;

b) Tổ chức tín dụng, tổ chức bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ, tài liệu liên

quan đến các giao dịch thanh toán, giao dịch bảo hiếm theo yêu cầu của cơ quan

hải quan đề phục vụ hoạt động điều tra, xác minh và xử lý các hành vi buôn lậu,

vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

c) Tổ chức và cá nhân có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá

cảnh, phương tiện vận tài xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh có nghĩa vụ cung cấp

thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ hoạt động điều tra, xác minh và xử lý

côNG Bảo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

87

hành vi buôn lậu, vận chuyển trải phép hàng hóa qua biên giới, có mặt tại trụ sở cơ

quan hải quan đề giải trình các nội dung liên quan khi được yêu cầu.

Điều 92. Trang bị và sử dụng trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện phục vụ

phòng, chống buôn lậu, vận chuyên trái phép hàng hóa qua biên giới

1. Cơ quan hải quan, công chức hải quan được trang bị, sử dụng các phương

tiện kỹ thuật nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ, cờ hiệu, pháo hiệu, đèn hiệu, thiết

bị quan sát, soi chiếu, công nghệ sinh hóa, thiết bị cơ khí, điện, điện từ và các

phương tiện khác theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống

buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, Việc trang bị, sử dụng vũ

khí, công cụ hỗ trợ phải theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí,

vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan, công chức hải quan trực tiếp

làm nhiệm vụ chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được

yệu cầu cơ quản, tổ chức, cá nhân phối hợp lực lượng, hồ trợ phương tiên, cung

cấp thông tin; nếu phương tiện được hỗ trợ bị thiệt hại thì cơ quan hải quan phải

bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

THÔNG TIN HÁI QUAN VÀ THỐNG KÊ

HÀNG HÓA XUÁT KHÂU, NHẬP KHÂU

Mục 1

THÔNG TIN HẢI QUAN

Điều 93. Thông tin hải quan

Thông tin hải quan được thu thập, lưu trữ, quản lý, sử dụng để phục vụ thực

hiện thủ tục hải quan; thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; áp dụng quản lý

rủi rô trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; kiểm trả sau thông quan; phòng, chống

buôn lậu, vận chuyển trắi phép hàng hóa qua biên giới và các hoạt động nghiệp vụ

khác của cơ quan hải quan.

Điều 94. Hệ thống thông tin hải quan

1. Hệ thống thông tin hải quan bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin;

b) Hạ tầng kỹ thuật về hệ thống thông tin.

2. Cơ dữ liệu thông tin hài quan bao gồm:

a) Thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khầu, quá cảnh;

b) Thông tin về phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

c) Thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất khẩu, nhập khấu,

xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

d) Thông tin khác liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của cơ quan hải quan.

88

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

3. Cơ dữ liệu thông tin hải quan được quản lý tập trung, thống nhất, Tổng cục

Hải quản có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu, hạ

tầng kỹ thuật của hệ thống thông tin hài quan trên cơ sở cập nhật, tích hợp thông

tin, dữ liệu toàn ngành hải quan; kết nối, chia sở thông tin, đữ liệu với hệ thống

thông tin của tổ chức, cá nhân ngoài ngành hải quan, của Hải quan các nước và tổ

chức quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa

xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp bảo mật thông tin, ngăn ngừa hành vi

truy cập trái phép vào hệ thống thông tin hải quan.

Điều 95. Thu thập, cung cấp thông tin hải quan ở trong nước

1. Cơ quan hải quan tổ chức thu thập thông tin từ các nguồn sau:

a) Hoạt động nghiệp vụ hải quan;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan;

c) Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất

khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

d) Các nguồn thông tin khác.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan hải quan trong việc thu thập, cung

cấp thông tin hải quan:

a) Tiếp nhận, cung cấp thông tin cho người khai hải quan;

b) Xây dựng, thực hiện cơ chế phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin với các cơ

quan chức năng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan;

c) Áp dụng biện pháp, kỹ thuật nghiệp vụ để thu thập thông tin;

d) Yêu cầu tổ chức, cả nhân cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động xuất

khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

đ) Khai thác các nguồn thông tin khác có liên quan.

3. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp

thông tin hải quan;

a) Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan hải quan cung cấp thông tin hải

quan liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin liên

quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cho cơ

quan hải quan;

c) Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập

khấu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan

hải quan theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

89

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Điều 96. Thu thập thông tin hải quan ở nước ngoài

1. Nguồn thông tin hải quan được thu thập ở nước ngoài bao gồm:

a) Thông tin do cơ quan hải quan, cơ quan khác của Nhà nước và vùng lãnh

thổ cung cấp theo hiệp định hợp tác hỗ trợ trao đổi, cung cấp thông tin;

b) Thông tin do tổ chức quốc tế có liên quan cung cấp theo điều ước quốc tế

mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam là thành viên;

c) Thông tin của tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất

hàng hóa và hoạt động xuất khẩu, nhập khấu hàng hóa cung cấp theo đề nghị của

cơ quan hải quan được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều

ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Cơ quan hải quan tổ chức thu thập thông tin ở nước ngoài để phục vụ các

hoạt động sáu:

a) Xác định xuất xứ, trị giá giao dịch, tiêu chuẩn, chất lượng của hàng hóa

nhập khẩu;

b) Xác định tính hợp pháp của các chứng từ, giao dịch liên quan đến hàng hóa

xuất khấu, nhập khẩu;

c) Xác minh hành vi buôn lậu, vận chuyển trải phép hàng hóa qua biên giới

hoặc hành vi khác vi phạm pháp luật về hải quan;

d) Xác minh thông tin khác liên quan đến người tham gia hoặc liên quan đến hoạt

động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu,

nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Mục 2

THỐNG KÊ HÀNG HÓA XUẤT KHÂU, NHẬP KHẤU

Điều 97. Hoạt động thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Hoạt động thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khấu là quá trình thu thập, xử

lý, tổng hợp, phân tích, dự báo, báo cáo, phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê hàng

hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện.

2. Thông tin thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là sản phẩm của hoạt

động thống kê, bao gồm số liệu thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khấu và bản

phân tích số liệu thống kê đó.

3. Tổng cục Hải quan tổ chức xuất bản các ấn phẩm thống kê hàng hóa xuất

khẩu, nhập khẩu.

Điều 98. Báo cáo thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính, Chính phủ thông tin thống kê hàng

hóa xuất khẩu, nhập khẩu định kỳ hàng tháng theo hệ thống mẫu biểu quy định và

báo cáo phân tích đánh giá tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

90

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỐC VỀ HẢI QUAN

Điều 99. Nội dung quản lý nhà nước về hải quan

Nội dung quản lý nhà nước về hải quan bao gồm:

1. Xây dựng và chi đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển

Hải quan Việt Nam;

2. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về hải quan;

3. Hướng dẫn, thực hiện và tuyên truyền pháp luật về hải quan;

4.Quy định về tổ chức và hoạt động của Hải quan;

5. Đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ công chức hải quan;

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, phương pháp quản lý

hải quan hiện đại;

7. Thống kê nhà nước về hải quan;

8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật

về hải quan;

9. Hợp tác quốc tế về hải quan.

Điều 100. Cơ quan quản lý nhà nước về hải quan

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hải quan.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý

nhà nước về hải quan.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách

nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính trong việc quản lý nhà nước về hải quan.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có

trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật về hải quan tại địa phương.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 101. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11

đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2012/QH13

1. Sửa đổi khoản 5 Điều 4 như sau:

"5. Áp dụng chế độ ưu tiên khi thực hiện các thủ tục về thuế đối với hàng hóa

xuất khẩu, nhập khẩu nếu người nộp thuế đáp ứng đủ các điều kiện áp dụng chế độ

ưu tiên theo quy định của Luật hải quan."

2. Sửa đổi khoản 4 Điều 32 như sau:

"4, Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

thực hiện theo quy định của Luật hải quan."

côNG Báo/Số 685 + 686/Ngày 17-7-2014

91

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 34 như sau:

"2. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế

thực hiện theo quy định của Luật hải quan."

4. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 78 như sau:

"b) Các trường hợp kiểm tra sau thông quan theo quy định của Luật hải quan.

Khi kiếm tra sau thông quan nếu phát hiện có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế

thì Cục trưởng Cục Kiểm trả sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục

trường Chi cục Kiểm trả sau thông quan có thẩm quyền quyết định áp dụng các

biện pháp quy định tại Mục 4 Chương X của Luật này;"

5. Bãi bỏ điểm đ khoản 3 Điều 77; bỏ cụm từ "và điểm d" tại điểm a khoản 1

Điều 78; bỏ cụm từ "tại trụ sở người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 34

của Luật này" tại điểm a khoản 2 Điều 107.

6. Sửa cụm từ "kế từ ngày đăng ký tờ khai" tại điểm a khoản 2 Điều 107 thành

cụm từ "kế từ ngày thông quan".

Điều 102. Sửa đổi, bồ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính

số 15/2012/QH13

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 122 như sau:

"7, Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường

hợp cần ngăn chặn, đình chi ngay những hành vi gây rồi trật tự công cộng, gây

thương tích cho người khác hoặc có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận

chuyên trái phép hàng hóa qua biên giới."

2. Sửa đổi đoạn đầu khoản 1 Điều 123 như sau:

"1. Trong trường hợp có hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho

người khác hoặc có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng

hóa qua biện giới quy định tại khoản 1 Điều 122 của Luật này, thì những người sau

đây có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:"

Điều 103. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Luật hải quan số 29/2001/QH10 và Luật số 42/2005/QH11 sửa đổi, bổ sung

một số điều của Luật hải quan hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực,

Điều 104. Quy định chi tiết

Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật,

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa

xIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014,/,

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Sinh Hùng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUÁT BẢN

Địa chi:

Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại liên hệ;

- Nội dung:

080.4417; Fax: 080.44517

Phát hành:

080.48543

Email;

congbao+5/chinhphu.vn

Wcbsite:

http:/congbao.chinhphu.vn

In tại:

Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng